



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|--|----|
| 02-02-2016- | Quyết định số 391/QĐ-UBND phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án Quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030. | 2 |
| 04-02-2016- | Quyết định số 445/QĐ-UBND về việc đặt tên đường mới trên địa bàn huyện Hóc Môn. | 29 |
| 05-02-2016- | Quyết định số 536/QĐ-UBND về phê duyệt Chương trình phát triển hoa kiểng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020. | 34 |
| 18-02-2016- | Chỉ thị số 05/CT-UBND về tăng cường vận động hiến máu tình nguyện năm 2016. | 67 |

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**1.1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 391/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán
kinh phí dự án Quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng
Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội: quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt,

điều chỉnh và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt danh mục lập các dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố, chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2015;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2613/SNN-KHTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 về trình duyệt đề cương và dự toán kinh phí của dự án Quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030; ý kiến đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 11442/TTr-SKHĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 về thẩm định đề cương và dự toán kinh phí của dự án Quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án quy hoạch với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án quy hoạch: Quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.

2. Cơ quan lập quy hoạch: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Mục tiêu, yêu cầu của dự án quy hoạch:

Lập Quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng gắn với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh làm cơ sở thực hiện công tác quản lý nhà nước, tham gia định hướng phát triển ngành hàng nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, đề

xuất chính sách hỗ trợ thiết thực để phát triển sản xuất kinh doanh ngành hàng hoa cây kiểng bền vững.

4. Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch.

- Phạm vi lập quy hoạch: Các huyện, quận có sản xuất nông nghiệp.
- Thời kỳ lập quy hoạch: 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

5. Nhiệm vụ của dự án quy hoạch:

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh hoa cây kiểng giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2015, xác định những kết quả đã đạt được; đồng thời tìm ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại; xem đây là căn cứ để lập các phương án phát triển hoa cây kiểng đến năm 2030.

- Phân tích theo hệ thống các nguồn lực liên quan đến phát triển hoa cây kiểng (vị trí địa lý kinh tế, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội,...), xác định mức độ đã huy động và tiềm năng còn có thể tiếp tục khai thác phát triển các nguồn lực giai đoạn 2016 - 2020 và đến năm 2030 đối với từng lĩnh vực một cách hiệu quả cao.

- Xây dựng phương án quy hoạch cho phát triển các loại hoa, cây kiểng chủ lực giai đoạn trung hạn 2016 - 2020 một cách khoa học, hợp lý, đồng thời đề xuất các chỉ tiêu cho xây dựng phương án quy hoạch dài hạn đến năm 2030.

- Xây dựng hệ thống các giải pháp và tổ chức thực hiện phương án quy hoạch được chọn cho từng giai đoạn, đảm bảo phương án có tính khả thi.

6. Sản phẩm của dự án Quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030: báo cáo tổng hợp, báo cáo chuyên đề, hệ thống bản đồ

7. Dự toán kinh phí thực hiện: **1.766.553.000 đồng** (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ba ngàn đồng)

8. Tiến độ thực hiện: Thời gian thực hiện dự kiến 9 tháng (Từ tháng 1/2016 đến tháng 9/2016).

(Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**1.1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ CƯƠNG, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH VÀ DỰ TOÁN
KINH PHÍ DỰ ÁN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN HOA, CÂY KIỂNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 391/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP QUY HOẠCH

Các lý do chủ yếu cần phải tiến hành lập quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030:

1. Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị lớn nhất nước, đô thị hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với tiềm lực kinh tế, khoa học kỹ thuật mạnh. Thành phố đang trong quá trình đô thị hoá và mở rộng, với mục tiêu trở thành một trung tâm công nghiệp, dịch vụ, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ của cả nước, của khu vực Đông Nam Á. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần IX xác định một số nhiệm vụ trọng tâm, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế và 6 chương trình đột phá. Trong Chương trình đột phá về hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, Thành phố tập trung nguồn lực phát triển nhanh các ngành, sản phẩm có hàm lượng khoa học - công nghệ, giá trị gia tăng cao. Đối với ngành nông nghiệp, đặc biệt chú ý nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, đi đầu cả nước trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, có chất lượng, hiệu quả cao, bền vững. Hoa, cây kiểng là một trong các sản phẩm chủ lực của nền nông nghiệp đô thị Thành phố. Việc lựa chọn các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất hoa, cây kiểng là một hướng đi đúng về nông nghiệp sinh thái.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành chương trình mục tiêu phát triển hoa cây kiểng cho giai đoạn 2004 - 2010 (theo Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2004) và giai đoạn 2011 - 2015 (theo Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2011), xác định hoa cây kiểng là một trong những ngành hàng

chủ lực của nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Chương trình phát triển hoa, cây kiểng đã được các ban ngành, địa phương của Thành phố phối hợp triển khai thực hiện khá thành công. Sản xuất hoa cây kiểng phát triển nhanh, diện tích hoa, kiểng từ 665 ha (2003) lên 1.910 ha (năm 2010) và đạt 2.130 ha (năm 2014). Giá trị sản xuất từ 69,8 tỷ đồng năm 2005 lên 636,5 tỷ đồng năm 2010 và đạt 1.223 tỷ đồng năm 2014. Song, trong quá trình phát triển sản xuất hoa cây kiểng cũng bộc lộ những bất cập như sau:

- Quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh chóng của Thành phố Hồ Chí Minh, việc quy hoạch sử dụng đất đai thay đổi lớn, ảnh hưởng đến phân bố các vùng trồng hoa, cây kiểng, từ đó cần phải xem xét bố trí lại nguồn lực để khai thác hiệu quả hơn.

- Tổ chức sản xuất hoa cây kiểng thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa các nông hộ, giữa các hợp tác xã hay doanh nghiệp dẫn đến mất cân đối cung cầu thị trường, sản phẩm khó tiêu thụ, có lúc nguồn cung thiếu phải nhập khẩu khá tốn kém.

- Sản xuất hoa, cây kiểng ở Thành phố Hồ Chí Minh phần lớn quy mô nông hộ, nhỏ manh mún nên khả năng đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật khó khăn. Sản phẩm chất lượng không đồng đều và đặc biệt khó đáp ứng được các đơn hàng xuất khẩu số lượng lớn.

- Thị trường tiêu thụ, giá một số sản phẩm hoa, cây kiểng không ổn định, lại bị cạnh tranh mạnh từ các địa phương khác dẫn đến thu nhập bấp bênh, do đó một số hộ bỏ nghề, hay chuyển sang sản xuất cầm chừng.

- Sản xuất cung ứng giống hoa, cây kiểng chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất, phần lớn giống mới, giống có chất lượng đều phải nhập khẩu từ nước ngoài.

- Các chính sách hỗ trợ sản xuất hoa, cây kiểng của Thành phố được đánh giá là khá tốt so với các địa phương trong cả nước (như vay vốn hỗ trợ lãi suất cho sản xuất, đầu tư khuyến nông chuyển giao tiến bộ kỹ thuật), nhưng còn thiếu các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến ứng dụng vào sản xuất hay chính sách khuyến khích mở rộng thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu.

3. Để triển khai thực hiện Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng

Chính phủ cùng với xây dựng nông thôn mới trong điều kiện đất sản xuất nông nghiệp ngày càng thu hẹp, việc bố trí, sắp xếp lại ngành hàng sản xuất hoa, cây kiểng để lựa chọn các mô hình canh tác ứng dụng công nghệ cao phù hợp với từng vùng sinh thái nông nghiệp ổn định sau năm 2020 của Thành phố, nhằm tạo ra các sản phẩm hoa, cây kiểng độc đáo đáp ứng nhu cầu của người dân Thành phố và các vùng lân cận, đồng thời tăng thu nhập, ổn định cuộc sống cho người dân ở các xã ven đô là cần thiết.

4. Phát triển hoa, cây kiểng có định hướng và hỗ trợ mạnh mẽ từ phía Nhà nước không chỉ mang lại lợi ích kinh tế, sử dụng tài nguyên hợp lý, nâng cao thu nhập cho người sản xuất mà còn mang lại cảnh quan, môi trường sinh thái, lành mạnh, phong phú cho Thành phố được mệnh danh là “Hòn Ngọc Viễn Đông”, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Thành phố cũng như Thành phố xanh, sạch, đẹp trong mắt du khách nước ngoài.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LẬP QUY HOẠCH

1. Nhóm các văn bản của Trung ương Đảng, Chính phủ

- Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn.

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về việc ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

- Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020”.

- Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp công nghệ cao đến năm 2020.

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp - nông thôn.

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Quyết định số 62/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn.

- Nghị quyết số 02/NQ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

2. Nhóm các văn bản của Bộ ngành Trung ương

- Quyết định số 52/2007/QĐ-BNN ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt quy hoạch phát triển rau quả và hoa cây kiểng đến năm 2010, tầm nhìn đến 2020.

- Quyết định số 824/QĐ-BNN-TT ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt đề án phát triển ngành trồng trọt đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 1384/QĐ-BNN-KH ngày 18 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện “Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”.

- Quyết định số 139/QĐ-BNN-KH ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ.

3. Nhóm các văn bản của Thành phố Hồ Chí Minh

- Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Quy hoạch sản xuất Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

- Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

- Quyết định số 446/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp - nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

- Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Chương trình phát triển hoa, cây kiểng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

- Quyết định số 5997/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển giống cây, giống con chất lượng cao giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 4896/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Đề án phát triển sinh vật cảnh trên địa bàn Thành phố từ nay đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

- Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt danh mục lập các dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc Ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách Thành phố năm 2015; Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2015.

- Quyết định số 3978/2015/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt danh mục lập các dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

III. MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH

1. Mục tiêu tổng quát

Lập Quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng gắn với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh làm cơ sở thực hiện công tác quản lý nhà nước, tham gia định hướng phát triển ngành hàng nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, đề xuất chính sách hỗ trợ thiết thực để phát triển sản xuất kinh doanh ngành hàng hoa cây kiểng bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh hoa cây kiểng giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2015, xác định những kết quả đã đạt được; đồng thời tìm ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại; xem đây là căn cứ để lập các phương án phát triển hoa cây kiểng đến năm 2030.

- Phân tích theo hệ thống các nguồn lực liên quan đến phát triển hoa cây kiểng (vị trí địa lý kinh tế, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội,...), xác định mức độ đã huy động và tiềm năng còn có thể tiếp tục khai thác phát triển các nguồn lực giai đoạn 2016 - 2020 và đến năm 2030 đối với từng lĩnh vực một cách hiệu quả cao.

- Kế thừa có chọn lọc theo hệ thống các kết quả nghiên cứu lập quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và của quy hoạch ngành đã thực hiện đến thời điểm tiến hành nghiên cứu lập quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng. Đồng thời dự báo các tác động có liên quan (thị trường, sức cạnh tranh của sản phẩm, khoa học – công nghệ, đất đai

dành cho nông nghiệp (trong đó riêng cho hoa cây kiểng), quá trình đô thị hóa, biến đổi khí hậu...), từ đó luận chứng đầy đủ cơ sở cho việc lập các phương án phát triển hoa, cây kiểng giai đoạn trung hạn 2016 - 2020 và dài hạn đến năm 2030.

- Xây dựng phương án quy hoạch cho phát triển các loại hoa, cây kiểng chủ lực giai đoạn trung hạn 2016 - 2020 khoa học, hợp lý, đồng thời đề xuất các chỉ tiêu cho xây dựng phương án quy hoạch dài hạn đến năm 2030.

- Xây dựng hệ thống các giải pháp và tổ chức thực hiện phương án quy hoạch được chọn cho từng giai đoạn, đảm bảo phương án có tính khả thi.

IV. GIỚI HẠN PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG LẬP QUY HOẠCH

1. Phạm vi lập quy hoạch

Nghiên cứu trên toàn địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên cần điều tra sâu sắc làm rõ thực trạng sản xuất, kinh doanh hoa cây kiểng ở các địa phương trọng yếu có tiềm năng phát triển (*Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Thủ Đức, Quận 9*).

2. Đối tượng nghiên cứu của quy hoạch

- Đối tượng lập quy hoạch các chủng loại hoa cây kiểng Thành phố Hồ Chí Minh gồm.

+ Nhóm hoa cây kiểng lâu năm.

+ Nhóm hoa ngắn ngày (hoa nền).

- Đối tượng không gian trồng hoa, cây kiểng.

+ Hoa cây kiểng lâu năm trồng trên đất vườn, đất ruộng chuyên canh.

+ Hoa cây kiểng ngắn ngày trồng trên đất vườn, đất ruộng chuyên canh hay luân canh, xen canh với cây trồng khác.

+ Hoa cây kiểng trồng ở không gian khác (sân nhà, công viên, công trình khác...).

- Đối tượng điều tra nghiên cứu lập quy hoạch cho 3 khâu là sản xuất - sơ chế bảo quản - tiêu thụ.

+ Kết quả sản xuất, thuận lợi, khó khăn.

+ Thu hoạch, sơ chế, vận chuyển.

+ Tiêu thụ (hình thức tiêu thụ, thị trường...).

- Các nội dung về đầu tư xây dựng.
- + Xây dựng cải tạo đất ruộng, vườn.
- + Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.
- Tổ chức sản xuất, kinh doanh hoa cây kiểng.
- Thời kỳ lập quy hoạch:
 - + Thời kỳ lập quy hoạch: Giai đoạn trung hạn 2016 - 2020 và giai đoạn dài hạn 2020 - 2030.
 - + Số liệu hiện trạng theo chu kỳ 2000 - 2005, 2006 - 2010, cập nhật đến năm 2015.
 - + Số liệu phân theo đơn vị hành chính quận, huyện (những quận, huyện còn đất canh tác hoa cây kiểng).
 - + Số liệu quy hoạch cho giai đoạn trung hạn 2016 - 2020 và giai đoạn dài hạn 2020 - 2030.

V. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG QUY HOẠCH

1. Đánh giá nguồn lực có liên quan và thực trạng phát triển sản xuất kinh doanh hoa cây kiểng Thành phố Hồ Chí Minh

1.1- Tổng quan tình hình sản xuất - tiêu thụ hoa cây kiểng

1.1.1- Khái quát lịch sử hình thành phát triển ngành sản xuất hoa cây kiểng.

- Cả nước.
- Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các vùng sản xuất chính của Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1.2- Tổng quan về tình hình sản xuất và tiêu thụ hoa, cây kiểng ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Vị trí, vai trò của ngành hàng hoa, cây kiểng.
- Khái quát diễn biến sản xuất và tiêu thụ hoa, cây kiểng.

1.2- Đánh giá các nguồn lực liên quan đến phát triển sản xuất hoa, cây kiểng Thành phố Hồ Chí Minh

1.2.1- Đánh giá các nguồn tài nguyên tự nhiên.

- Vị trí địa lý - kinh tế.
- Điều kiện khí hậu - thời tiết.
- Rút ra những thuận lợi và hạn chế ảnh hưởng đến sản xuất hoa cây kiểng.
- Tài nguyên đất.
- Đánh giá tài nguyên đất về quy mô diện tích.
- Đánh giá tài nguyên đất theo đặc điểm thổ nhưỡng.
- Tài nguyên nước và chế độ thủy văn.
- Các tài nguyên khác.

1.2.2- Các nguồn lực kinh tế - xã hội.

- Các nguồn lực kinh tế.
- Hiện trạng hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế.
- Đánh giá tác động của công nghiệp - dịch vụ đến sản xuất hoa cây kiểng.
- Nguồn lực xã hội.

1.3- Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ hoa cây cảnh

1.3.1- Đánh giá thực trạng sử dụng đất sản xuất hoa, cây kiểng.

- Đất chuyên canh trồng hoa, cây kiểng (hoa, cây kiểng trồng ở ruộng, vườn, nhà lưới, nhà màng).

- Đất trồng hoa, cây kiểng ở ruộng luân canh với cây ngắn ngày khác.
- Đất có khả năng chuyển đổi sang trồng chuyên canh hoa, cây kiểng.

1.3.2- Đánh giá thực trạng tình hình sản xuất hoa, cây kiểng.

- Phân tích tài chính - kinh tế các hệ thống canh tác hoa, cây kiểng.

Sản lượng, giá trị sản lượng, chi phí, giá thành, lợi nhuận, thu nhập bình quân trên 1 đơn vị diện tích trồng hoa, cây kiểng. So sánh mức độ cạnh tranh của sản xuất hoa, cây kiểng với các hệ thống canh tác khác có thể chuyển đổi mở rộng diện tích hoa, cây kiểng.

- Đánh giá thực trạng diện tích - sản lượng hoa, cây kiểng qua các năm.
- Đánh giá mức độ áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất hoa,

cây kiểng.

- Đánh giá tình hình tiêu thụ hoa, cây kiểng (tiêu thụ nội Thành phố Hồ Chí Minh, xuất ra các tỉnh và xuất khẩu).

- Đánh giá các chính sách đã và đang có hiệu lực thi hành đối với sản xuất và tiêu thụ hoa, cây kiểng.

1.4- Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch ở giai đoạn trước

Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, đề án quy hoạch phát triển sản xuất hoa cây kiểng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2006 - 2010 và đến năm 2015:

- Đánh giá các chỉ tiêu phát triển trong quy hoạch sản xuất hoa cây cảnh hay quy hoạch có liên quan với kết quả sản xuất hiện tại.

- Đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, đề án phát triển hoa Cây cảnh.

- Đánh giá nguyên nhân ảnh hưởng (cả thành công và chưa thành công) đến các chỉ tiêu quy hoạch phát triển.

- Xác định những thuận lợi, khó khăn thực hiện quy hoạch và ý kiến, nguyện vọng của các đối tượng tham gia sản xuất trong các vùng quy hoạch hoa cây kiểng.

2. Phân tích, dự báo các yếu tố tác động đến phát triển của ngành hàng hoa, cây kiểng thành phố trong thời kỳ quy hoạch

2.1- Một số định hướng về phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố

2.1.1- Định hướng chung phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1.2- Định hướng phát triển tổng thể ngành nông nghiệp.

2.1.3- Vai trò quan trọng của ngành hàng chủ lực hoa, cây kiểng.

2.1.4- Định hướng cụ thể phát triển ngành hàng hoa cây kiểng.

2.2- Phân tích, dự báo các yếu tố tác động đến phát triển ngành hoa cây kiểng Thành phố trong thời kỳ quy hoạch

2.2.1- Dự báo chung về mối quan hệ, tác động qua lại của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến sản xuất hoa, cây kiểng Thành phố Hồ Chí Minh.

- Dự báo tác động tích cực.

- Dự báo những trở ngại, khó khăn.

2.2.2- Dự báo cụ thể.

- Dự báo thị trường tiêu thụ và xem xét tính cạnh tranh của sản phẩm.

- Dự báo khoa học - công nghệ ứng dụng vào phát triển hoa, cây kiểng.

- Dự báo quỹ đất nông nghiệp và đất phát triển hoa, cây kiểng đến 2020.

- Dự báo dân số - lao động và cơ cấu lao động làm việc trong ngành nông nghiệp, trong lĩnh vực hoa, cây kiểng từng giai đoạn: 2016 - 2020, 2020 - 2030.

- Dự báo ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (nhiệt độ bình quân, lượng mưa bình quân năm 2020, 2030 theo các kịch bản) đến sản xuất hoa cây kiểng.

3. Quy hoạch hoa cây kiểng trên địa bàn Thành phố đến năm 2030

3.1- Quan điểm phát triển

3.1.1- Phát triển sản xuất hoa, cây kiểng là một trong những ngành hàng chủ lực của nông nghiệp Thành phố, được quan tâm khuyến khích đầu tư nhiều hơn nữa. Tạo điều kiện tái cơ cấu nền nông nghiệp Thành phố theo hướng hiệu quả cao, bền vững.

3.1.2- Phát triển hoa, cây kiểng trên cơ sở khai thác tối ưu về tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực xã hội (đất đai, thị trường, vốn, khoa học công nghệ...) và gắn chặt với nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, đồng thời phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của Thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ xét duyệt.

3.1.3- Ưu tiên đầu tư cho vùng ven đô thị, nâng cao thu nhập cho người sản xuất, đẩy nhanh tốc độ xây dựng nông thôn mới.

3.1.4- Chú trọng đầu tư sản xuất hoa cây kiểng ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt chú ý đến công tác giống.

3.1.5- Tạo ra cảnh quan, môi trường sinh thái, nâng cao chất lượng sống của người dân Thành phố Hồ Chí Minh và hỗ trợ phát triển ngành du lịch hiệu quả.

3.2- Mục tiêu phát triển

3.2.1- Mục tiêu tổng quát.

Hình thành, phát triển nhanh nền nông nghiệp đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, dẫn đầu trong cả nước. Trong đó sản xuất hoa cây kiểng là đối tượng chính được đầu

tư sản xuất theo công nghệ cao kết hợp công nghệ truyền thống, đủ khả năng cung cấp phần lớn nhu cầu hoa cây kiểng cho thị trường Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời tạo nên mảng xanh, môi trường sinh thái góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

3.2.2- Mục tiêu cụ thể.

- Diện tích, sản lượng từng nhóm hoa, cây kiểng đến năm 2030;
- Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu hoa, cây kiểng của Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sản lượng hoa, cây kiểng hàng hoá xuất cho thị trường các tỉnh trong nước;
- Sản lượng hoa, cây kiểng xuất khẩu;
- Giá trị sản lượng trung bình 1 ha sản xuất hoa, cây kiểng;

3.3- Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích thống kê theo hệ thống.
- Phương pháp điều tra, khảo sát và tính toán quy hoạch theo tiêu chuẩn ngành 10 TCN345-98.
- Phương pháp điều tra nhanh nông hộ, nông thôn (PRA).
- Phương pháp bản đồ.
- Phương pháp hội thảo, chuyên gia.
- Phương pháp phân vùng thích nghi.
- Phương pháp tiếp cận nhiều chiều

3.4- Nội dung quy hoạch

3.4.1- Phương án phát triển hoa, cây kiểng đến năm 2030.

- Diện tích canh tác hoa cây kiểng đến năm 2030.
- Sản lượng hoa cây kiểng phân theo các nhóm.
- Giá trị sản lượng tương ứng.
- Lợi nhuận của phương án (tổng lợi nhuận, trung bình 1 ha có thể chia theo nhóm hoa, cây kiểng chủ lực).

3.4.2- Phân vùng, chọn vùng trồng hoa cây kiểng chủ lực.

- Phân vùng phát triển hoa, cây kiểng.
- + Chọn vùng chuyên canh sản xuất hoa, cây kiểng.
- + Phân vùng phát triển các đối tượng hoa, cây kiểng chủ lực.
- + Tỷ lệ diện tích, sản lượng của các vùng chuyên canh so với phương án.

3.4.3- Tiến độ thực hiện phương án phát triển hoa, cây kiểng.

- Phát triển diện tích hoa, cây kiểng qua từng năm của từng giai đoạn 2016 - 2020 và 2020 - 2030.

- Sản lượng hoa theo các nhóm qua từng năm của từng giai đoạn 2016 - 2020 và 2020 - 2030 và theo địa bàn hành chính.

3.4.4- Những chỉ tiêu quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng đến năm 2030.

- Chỉ tiêu về tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu giá trị sản xuất ngành hoa cây kiểng.

- Quy mô, phân bố và các giải pháp riêng biệt cho phát triển sản xuất từng loại hoa cây kiểng.

- Khả năng ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản.

- Chất lượng, thương hiệu, tính cạnh tranh.

- Khả năng tiêu thụ của thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Các chỉ tiêu khác có liên quan đến quy hoạch bố trí phát triển sản xuất và tiêu thụ hoa cây kiểng trên địa bàn Thành phố đến năm 2030.

3.5- Phân tích, dự báo tác động của phương án quy hoạch đến môi trường

3.5.1- Nghiên cứu, đánh giá khái quát diễn biến môi trường thành phố trong quá trình phát triển hoa, cây kiểng thời gian qua.

3.5.2- Phân tích, dự báo khái quát các khía cạnh và mức độ tác động đến môi trường trong trường hợp dự án được đưa vào thực hiện.

3.6- Nhu cầu vốn đầu tư cho các giai đoạn phát triển

3.6.1- Xác định nhu cầu vốn đầu tư cho phương án được chọn.

- Vốn đầu tư cho sản xuất.

- Vốn đầu tư xây dựng hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, vốn đầu tư cho các

chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, khuyến nông, xúc tiến thương mại...

3.6.2- Nguồn vốn đầu tư.

3.6.3- Tiến độ đầu tư theo năm.

4. Đề xuất hệ thống giải pháp thực hiện quy hoạch và sơ bộ xem xét lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường

4.1- Đề xuất hệ thống giải pháp thực hiện quy hoạch

4.1.1- Giải pháp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu phát triển hoa, cây kiểng giai đoạn trung hạn 2016 - 2020 và dài hạn 2020 - 2030.

4.1.2- Nghiên cứu khoa học và ứng dụng nhanh tiến bộ kỹ thuật – công nghệ mới vào phát triển hoa cây kiểng.

4.1.3- Hoạt động khuyến nông và đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực vào phát triển hoa cây kiểng.

4.1.4- Tổ chức sản xuất theo các loại hình kinh tế hợp tác, doanh nghiệp và tăng cường liên kết sản xuất các sản phẩm hàng hoá chủ lực

4.1.5- Đề xuất một số cơ chế chính sách nhằm thực hiện khuyến khích phát triển sản xuất hoa, cây kiểng.

4.1.6- Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư phát triển sản xuất hoa, cây kiểng giai đoạn trung hạn 2016 - 2020.

4.1.7- Xúc tiến thương mại, xây dựng một số nhãn hiệu hàng hoá (hoặc đăng ký xuất xứ hàng hoá) và mở rộng thị trường tiêu thụ.

4.2- Sơ bộ xem xét lợi ích kinh tế - xã hội và môi trường

4.2.1- Lợi ích kinh tế.

4.2.2- Lợi ích xã hội.

4.2.3- Dự báo tác động môi trường và biện pháp khắc phục.

5. Kết luận và kiến nghị

VI. SẢN PHẨM CỦA QUY HOẠCH

1. Báo cáo tổng hợp quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030: 12 bộ.

2. Các loại bản đồ màu tỷ lệ 1/50.000 (Mỗi loại 05 bộ) gồm:

- Bản đồ hiện trạng sản xuất hoa, cây kiểng Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015.
- Bản đồ quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng giai đoạn 2016 - 2020 (phương án chọn).
- Bản đồ quy hoạch phát triển hoa, cây kiểng giai đoạn 2020 - 2030 (phương án chọn).
- Bản đồ hiện trạng và quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất hoa, cây kiểng giai đoạn 2016 - 2020.
- Bản đồ hiện trạng và quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất hoa, cây kiểng giai đoạn 2020 - 2030.
- Đĩa CD ghi báo cáo tổng hợp, các phụ lục và bản đồ màu: 02 bộ.

VII. THỜI GIAN

1. Thực hiện năm 2016, khoảng 09 tháng, kể từ khi ký hợp đồng.
2. Những cam kết chi tiết hơn và các điều khoản đảm bảo, sẽ được ghi cụ thể trong hợp đồng, thời gian dự phòng là 01 tháng.

VIII. TỔ CHỨC XÂY DỰNG QUY HOẠCH

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân Thành phố.
2. Cơ quan lập quy hoạch: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3. Cơ quan góp ý, thẩm định.
 - Sở Kế hoạch và Đầu tư.
 - Sở Tài chính.
 - Sở Tài nguyên và Môi trường.
 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
 - Các Sở, ngành khác có liên quan.
4. Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân Thành phố.

IX. DỰ TOÁN CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH

1. Cơ sở pháp lý để lập dự toán

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

- Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung;

- Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Quyết định số 07/2006/QĐ-BNN Ngày 24 tháng 01 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành đơn giá quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh và định mức phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2012, 2013, 2014 và 9 tháng của năm 2015 của Thành phố Hồ Chí Minh được Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh công bố.

2. Nhu cầu chi phí thực hiện xây dựng quy hoạch trên nền bản đồ tỷ lệ 1/50.000

2.1. Nhu cầu chi phí thực hiện xây dựng quy hoạch (trong đơn giá-theo Thông tư 01/2012/TT-BKHĐT).

- Căn cứ theo Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của

Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh và định mức phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì định mức chi phí tối đa cho các dự án Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp và sản phẩm chủ yếu của Thành phố được tính như sau:

Áp dụng công thức tính tại Điều 7 và các phụ lục I, II, III, VII, XI của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT thì tổng mức chi phí tối đa cho dự án lập quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu (hoa cây kiểng) được áp dụng theo công thức:

$$G_{QHN} = G_{\text{chuẩn}} \times H_1 \times H_2 \times H_3 \times Q_n \times K.$$

K: hệ số điều chỉnh lương tối thiểu và mặt bằng giá tiêu dùng, $K = K_1 + K_2$, trong đó:

$K_1 = 0,3 \times$ Chỉ số giá tiêu dùng được cập có thẩm quyền công bố tại thời điểm tính toán.

$K_2 = 0,7 \times$ hệ số điều chỉnh lương tối thiểu. Hệ số điều chỉnh lương tối thiểu được xác định = Mức lương tối thiểu khi nhà nước thay đổi tại thời điểm tính toán chia cho 830.000 đồng/tháng.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) được tính theo công thức hướng dẫn tại Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh và định mức phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, hệ số CPI từ tháng 3/2012 đến tháng 9/2015 được tính theo bảng 01 dưới đây:

Bảng 01: Hệ số CPI được tính từ tháng 3/2012 đến tháng 9/2015

Tháng	CPI	Quy đổi	Tăng/giảm	Tháng	CPI	CPI %	Tăng/giảm
năm 2012				năm 2014			
Tháng 1				Tháng 1	1,004	100,4	0,4
Tháng 2	1,00	100	0	Tháng 2	1,0024	100,24	0,24
Tháng 3	1,0012	100,12	0,12	Tháng 3	0,9954	99,54	-0,46

Tháng	CPI	Quy đổi	Tăng/giảm	Tháng	CPI	CPI %	Tăng/giảm
Tháng 4	1,0008	100,08	0,08	Tháng 4	0,9996	99,96	-0,04
Tháng 5	1,0006	100,06	0,06	Tháng 5	1,0036	100,36	0,36
Tháng 6	0,9957	99,57	-0,43	Tháng 6	1,0058	100,58	0,58
Tháng 7	0,9943	99,43	-0,57	Tháng 7	1,0012	100,12	0,12
Tháng 8	1,0066	100,66	0,66	Tháng 8	1,0005	100,05	0,05
Tháng 9	1,0121	101,21	1,21	Tháng 9	1,0113	101,13	1,13
Tháng 10	1,004	100,4	0,4	Tháng 10	0,9997	99,97	0,12
Tháng 11	1,001	100,1	0,1	Tháng 11	0,9964	99,64	0,05
Tháng 12	1,0017	100,17	0,17	Tháng 12	0,9964	99,64	1,13
năm 2013				năm 2015			
Tháng 1	1,0044	100,44	0,44	Tháng 1	0,9952	99,52	-0,48
Tháng 2	1,01	101	1	Tháng 2	0,9996	99,96	-0,04
Tháng 3	0,9971	99,71	-0,29	Tháng 3	1,0016	100,16	0,16
Tháng 4	0,9967	99,67	-0,33	Tháng 4	1,0003	100,03	0,03
Tháng 5	0,9984	99,84	-0,16	Tháng 5	1,003	100,3	0,3
Tháng 6	1,0012	100,12	0,12	Tháng 6	1,0062	100,62	0,62
Tháng 7	1,0017	100,17	0,17	Tháng 7	1,0011	100,11	0,11
Tháng 8	1,0031	100,31	0,31	Tháng 8	0,9988	99,88	-0,12
Tháng 9	1,0313	103,13	3,13	Tháng 9	0,9953	99,53	-0,47
Tháng 10	1,0017	100,17	0,17				
Tháng 11	1,0017	100,17	0,17				
Tháng 12	1,0039	100,39	0,39				

Áp dụng công thức tính theo hướng dẫn tính CPI của Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố, thì $CPI_{\text{tháng 9/2015 so với tháng 2/2012}} = 1,0895$

Như vậy $K_1 = 0,3 \times 1,0895 = 0,3269$

Hệ số điều chỉnh $K_2 = 0,7 \times (1.150.000 \text{ đồng} / 830.000 \text{ đồng}) = 0,9699$

Hệ số $K = K_1 + K_2 = 0,3269 + 0,9699 = 1,2968$

Hệ số $Q_n = 0,17$ (Trồng trọt)

Giá_{QH} hoa cây kiểng TP.HCM = 850 triệu đồng $\times 1,0 \times 4,5 \times 1,08 \times 0,17 \times 1,2968 = 910,703736$ triệu đồng.⁽¹⁾ (Chín trăm mười triệu, bảy trăm lẻ ba ngàn bảy trăm ba

mười sáu đồng)

Thuế VAT (10%) của chi phí trực tiếp = $\{(1) - [(1) \cdot 13,5\%]\} \cdot 10\% = \{910,703736 - [(910,703736 \cdot 13,5\%)]\} \cdot 10\% = 78,775873$ triệu đồng ⁽²⁾

Ghi chú: (1) *13,5% là chi phí quản lý và điều hành (theo quy định của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT)

Kinh phí thực hiện quy hoạch trong đơn giá (sau thuế) là: (1) + (2) = 910,703736 triệu đồng + 78,775873 triệu đồng = 989,479609 triệu đồng = 989.479.609 đồng. Làm tròn: **989.480.000 đồng** ⁽³⁾. Chi tiết xem tại phụ lục.

2.2. Chi phí đánh giá chất lượng môi trường phục vụ quy hoạch hoa, cây kiểng (Ngoài đơn giá - theo các văn bản khác).

Bảng 02: Tổng hợp chi phí đánh giá chất lượng môi trường đất, nước vùng nghiên cứu

Số TT	Khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	KINH PHÍ CÁC KHOẢN THEO CÁC VĂN BẢN KHÁC					
I	KINH PHÍ TRƯỚC THUẾ				606.424.950	TT 18/2014/T T- BTNMT và Bộ Đơn giá QTMT của tp. Hồ Chí Minh
1	Chi phí phân tích mẫu đất (theo QĐ 59/2012/QĐ-BNNPTNT: As, Cd, Pb, Cu, Zn)	mẫu	100	5.038.879	503.887.900	
2	Chi phí phân tích mẫu nước (theo QĐ 59/2012/QĐ-BNNPTNT: Hg, Cd, As, Pb)	mẫu	35	2.929.630	102.537.050	
II	THUẾ VAT (10%)	%	10	606.424.950	60.642.495	
	III. TỔNG KINH PHÍ SAU THUẾ				667.067.445	
	(LÀM TRÒN SỐ)				667.067.000	

Chi phí đánh giá chất lượng môi trường phục vụ QH bố trí hoa, cây kiểng (làm tròn số) là **667.067.000 đồng** ⁽⁴⁾

2.3. Chi phí xây dựng bản đồ đất và đánh giá thích nghi đất đai phục vụ quy hoạch trồng hoa, cây kiểng (Ngoài đơn giá- theo Quyết định 07/2006/QĐ-BNN Ngày 24 tháng 01 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tổng diện tích trồng hoa trên địa bàn Thành phố (theo số liệu Trung tâm Khuyến nông cung cấp) hiện nay diện tích canh tác là 1.580 ha, diện tích gieo trồng là 2.130 ha, nên khi lập các loại bản đồ chuyên đề chỉ tính theo diện tích này. Ở dự án này, phần lớn các bản đồ chuyên đề về đất đai được xây dựng dựa trên nền bản đồ đất cũ tỷ lệ 1/50.000 (do Phân viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp điều tra, bổ sung xây dựng năm 2005 trong chương trình của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và có kế thừa một số kết quả nghiên cứu đất đai ở các dự án trước (Khi dự toán có giảm trừ theo bảng tính bên dưới). Tuy nhiên, do phải nghiên cứu mức độ thích nghi đất đai cho từng vùng đất chi tiết đối với từng loại hoa cây kiểng nên phải tiến hành điều tra, khảo sát đất đai chi tiết trên nền bản đồ tỷ lệ lớn 1/10.000. Áp dụng đơn giá tại Bảng số 3 theo Quyết định số 07/2006/QĐ-BNN ngày 24 tháng 01 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành đơn giá quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Bảng 03: Tổng hợp chi phí xây dựng các tài liệu chuyên đề về đất đai và đánh giá thích nghi đất đai phục vụ Quy hoạch hoa, cây kiểng

Số TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
I	Chi phí điều tra bổ sung lập bản đồ thổ nhưỡng (tỷ lệ 1/10.000)				76.972.007
1	Chi phí theo đơn giá tại bảng 3, QĐ 07/2006/QĐ-BNN ký hiệu: (a)	Ha	1580	41.638	65.788.040
2	Chi phí hội thảo, thẩm định, quản lý (7% x a)	%	7	65.788.040	4.605.163
3	Thuế giá trị gia tăng (10% x a)	%	10	65.788.040	6.578.804
	Kinh phí sau giảm trừ (Mức áp dụng 80% - Kế thừa 20%)	đồng		76.972.007	61.577.605
II	Chi phí điều tra bổ sung lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất hoa cây kiểng năm 2015 (tỷ lệ 1/10.000)				21.241.678
1	Chi phí theo đơn giá tại bảng 3, QĐ 07/2006/QĐ-BNN ký hiệu: (a)	Ha	1580	11.540	18.233.200
2	Chi phí hội thảo, thẩm định, quản lý (6,5% x a)	%	7	18.233.200	1.185.158
3	Thuế giá trị gia tăng (10% x a)	%	10	18.233.200	1.823.320
	Kinh phí sau giảm trừ (Mức áp dụng 90% - Kế thừa 10%)	đồng		21.241.678	19.117.510
II	Chi phí lập bản đồ thích nghi (tỷ lệ 1/10.000)				29.311.307
1	Chi phí theo đơn giá tại bảng 3, QĐ 07/2006/QĐ-	Ha	1580	15.924	25.159.920

	BNN ký hiệu: (a)				
2	Chi phí hội thảo, thẩm định, quản lý (6,5% x a)	%	6,5	25.159.920	1.635.395
3	Thuế giá trị gia tăng (10% x a)	%	10	25.159.920	2.515.992
	Kinh phí sau giảm trừ (Mức áp dụng 100% - Kế thừa 0%)	đồng		29.311.307	29.311.307
TỔNG DỰ TOÁN					110.006.422
(LÀM TRÒN SỐ)					110.006.000

Chi phí xây dựng bản đồ đất, bản đồ hiện trạng và đánh giá thích nghi đất đai phục vụ quy hoạch trồng hoa, cây kiểng (làm tròn số) là: **110.006.000** đồng. ⁽⁵⁾

Tổng chi phí lập quy hoạch hoa cây kiểng trên địa bàn thành phố đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 sau thuế (làm tròn số) là: (3) + (4) + (5) = 989.480.000 đồng + 667.067.000 đồng + 110.006.000 đồng = **1.766.553.000 đồng** (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ba ngàn đồng).

Phụ lục: Chi phí cho các khoản của dự án Quy hoạch phát triển Hoa, cây kiểng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 (Chi phí trong đơn giá theo Thông tư 01/2012/TT-BKHĐT)

STT	NỘI DUNG	Tỉ lệ (%)	Thành tiền (đồng)
A	CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH BỐ TRÍ HOA CÂY KIỂNG TRƯỚC THUẾ	100	910.703.736
I	Chi phí xây dựng đề cương và dự toán	2,5	22.767.593
1	Chi phí cho xây dựng đề cương và trình duyệt đề cương	1,5	13.660.556
1.1	Chi phí xây dựng đề cương, nhiệm vụ	0,9	8.196.334
1.2	Hội thảo, xin ý kiến chuyên gia thống nhất và trình duyệt	0,6	5.464.222
2	Lập dự toán kinh phí theo đề cương đã thống nhất và trình duyệt	1	9.107.037
II	Chi phí nghiên cứu xây dựng, báo cáo dự án quy hoạch	84	764.991.138
1	Chi phí thu thập, xử lý số liệu, dữ liệu ban đầu	7	63.749.262
2	Chi phí thu thập, bổ sung số liệu, tư liệu theo yêu cầu quy hoạch	4	36.428.149
3	Chi phí khảo sát thực tế	20	182.140.747
4	Chi phí thiết kế quy hoạch	53	482.672.980
4.1	Phân tích, đánh giá vai trò vị trí của ngành nông nghiệp của TP	1	9.107.037
4.2	Phân tích, dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển ngành của khu vực, cả nước tác động tới phát triển ngành của TP trong thời kỳ quy hoạch.	3	27.321.112
4.3	Phân tích đánh giá hiện trạng phát triển ngành nông nghiệp của TP.	4	36.428.149
4.4	Nghiên cứu mục tiêu và quan điểm phát triển	3	27.321.112
4.5	Nghiên cứu đề xuất phương án phát triển	6	54.642.224
4.6	Nghiên cứu các giải pháp thực hiện mục tiêu.	20	182.140.747
-	Luận chứng các phương án và giải pháp phát triển ngành NN TP	5	45.535.187
-	Dự báo và xây dựng phương án phát triển nguồn nhân lực.	1	9.107.037
-	Dự án và xây dựng phương án phát triển công nghệ	1	9.107.037
-	Xây dựng phương án giải pháp bảo vệ môi trường.	1,5	13.660.556

-	Xây dựng các phương án tính toán nhu cầu và đảm bảo vốn đầu tư	4	36.428.149
-	Xây dựng các chương trình dự án đầu tư trọng điểm	1,5	13.660.556
-	Xây dựng phương án tổ chức lãnh thổ phân bố SX	3	27.321.112
-	Xác định các giải pháp về cơ chế chính sách, chính sách và đề xuất các phương án thực hiện.	3	27.321.112
4.7	Xây dựng báo cáo tổng hợp và hệ thống báo cáo liên quan	8	72.856.299
4.7.1	Xây dựng báo cáo đề dẫn	1	9.107.037
4.7.2	Xây dựng báo cáo tổng hợp	6	54.642.224
4.7.3	Xây dựng báo cáo tóm tắt	0,6	5.464.222
4.7.4	Xây dựng văn bản thẩm định	0,2	1.821.407
4.7.5	Xây dựng văn bản trình phê duyệt dự án điều chỉnh quy hoạch	0,2	1.821.407
4.8	Xây dựng hệ thống bản đồ điều chỉnh quy hoạch	8	72.856.299
III	Chi phí quản lý và điều hành	13,5	122.945.004
1	Chi phí quản lý dự án của Ban quản lý	4	36.428.149
2	Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ và dự toán	1,5	13.660.556
3	Chi phí thẩm định quy hoạch	4,5	40.981.668
4	Chi phí công bố quy hoạch	3,5	31.874.631
B	VAT 10% x (I+II)	10	78.775.873
C	KINH PHÍ SAU THUẾ		989.479.609
	TỔNG KINH PHÍ SAU THUẾ (Làm tròn số)		989.480.000

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 445/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đặt tên đường mới trên địa bàn huyện Hóc Môn

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về bổ sung Quỹ tên đường tại Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 227/TTr-SVHTT-DSVH ngày 18 tháng 01 năm 2016 về đặt tên đường mới trên địa bàn huyện Hóc Môn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay đặt tên mới cho 23 (hai mươi ba) tuyến đường trên địa bàn huyện Hóc Môn (danh sách tên đường kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị, tổ chức

thực hiện những vấn đề có liên quan đến việc đặt tên đường nêu ở Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng đặt mới, sửa đổi tên đường, công viên, quảng trường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan nêu tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH

Đường đặt tên mới trên địa bàn huyện Hóc Môn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	TÊN ĐƯỜNG	LÝ TRÌNH
1.	TRỊNH THỊ DỐI	Đặt tên cho Hương lộ 80B Từ kênh Trần Quang Cơ đến đường Đặng Thúc Vịnh.
2.	HUỲNH THỊ NA	Đặt tên cho đường Đông Thạnh 2 Từ Bến đò Thới Thuận đến kênh Trần Quang Cơ.
3.	NGUYỄN THỊ SÁNG	Đặt tên cho Đông Thạnh 1 - 1 Từ đường Đông Thạnh 1 đến giáp Thới Tam Thôn.
4.	NGUYỄN THỊ ĐIỆP	Đặt tên cho đường Đông Thạnh 2 - 2 Từ đường Đông Thạnh 2 - 3 - 1 đến đường Đông Thạnh 2.
5.	NGUYỄN THỊ PHA	Đặt tên cho đường Đông Thạnh 1 Từ đường Đặng Thúc Vịnh đến Hương lộ 80B.
6.	TRƯƠNG THỊ NHƯ	Đặt tên cho đường Xuân Thới Sơn 4 Từ đường Nguyễn Thị Thử đến đường Đặng Công Bình.
7.	NGUYỄN THỊ LY	Đặt tên cho đường Xuân Thới Sơn 8 + 6 Từ đường Dương Công Khi đến đường Đặng Công Bình.
8.	LÊ THỊ KIM	Đặt tên cho đường Xuân Thới Sơn 2 Từ đường Xuân Thới Sơn 20 đến đường Dương Công Khi.

9.	NGUYỄN THỊ ĐÀNH	Đặt tên cho đường Xuân Thới Sơn 1 Từ đường Nguyễn Văn Bứa đến đường Dương Công Khi.
10.	HUỲNH THỊ MÀI	Đặt tên cho đường Tân Hiệp 1 + 2 + 12 Từ đường Dương Công Khi (ngã ba Hai Ráp) đến đường Dương Công Khi (ngã ba Tám Bình).
11.	LÊ THỊ LỚ	Đặt tên cho đường Tân Hiệp 5 Từ đường Đỗ Văn Dậy đến đường Tân Hiệp 6
12.	NGUYỄN THỊ NGÂU	Đặt tên cho đường Thới Tam Thôn – Đông Thạnh Từ đường Đặng Thúc Vịnh đến đường Đỗ Văn Dậy.
13.	PHẠM THỊ GIÂY	Đặt tên cho đường Thới Tam Thôn 5 Từ đường Thới Tam Thôn 4 đến đường Tô Ký.
14.	TRẦN THỊ BỐC	Đặt tên cho đường Nam Thới 2 Từ đường Quang Trung đến đường Trịnh Thị Miếng.
15.	NGUYỄN THỊ SÁU	Đặt tên cho đường Thới Tam Thôn 8 Từ đường liên xã Thới Tam Thôn – Đông Thạnh đến đường Nam Thới 1.
16.	BÙI THỊ LÙNG	Đặt tên cho đường Nam Thới 1 Từ đường Thới Tam Thôn – Đông Thạnh đến đường Trần Khắc Chân.
17.	NGUYỄN THỊ THÁNH	Đặt tên cho đường Thới Tam Thôn 4 Từ đường Đặng Thúc Vịnh đến kênh Trần Quang Cơ.
18.	LÊ VĂN PHIÊN	Đặt tên cho đường Khu phố 2 - 01 Từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Lý Thường Kiệt.
19.	VÕ THỊ HÒI	Đặt tên cho đường liên xã Tân Xuân – Xuân Thới Sơn – Xuân Thới Thượng Từ Quốc lộ 22 đến đường Nguyễn Thị Thử.
20.	VÕ THỊ ĐẦY	Đặt tên cho đường liên xã Nhị Bình – Đông Thạnh Từ đường Đặng Thúc Vịnh đến đường Nhị Bình 8.

21.	THÁI THỊ GIỮ	Đặt tên cho đường Bà Điểm 8 Từ đường Phan Văn Hón đến Cư xá Bà Điểm.
22.	NGUYỄN THỊ HUÊ	Đặt tên cho đường Bà Điểm 7 Từ đường Nguyễn Ảnh Thủ đến Quốc lộ 22.
23.	NGUYỄN THỊ NUÔI	Đặt tên cho đường 60B Từ Quốc lộ 22 đến Hương lộ 60.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 536/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt Chương trình phát triển hoa kiểng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành kế hoạch thực hiện chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp- nông dân - nông thôn theo nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Quyết định 446/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Chương trình ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ Nông nghiệp nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền

vững" theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét Tờ trình số 3197/TTr-SNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Chương trình phát triển hoa, cây kiểng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Chương trình phát triển hoa, cây kiểng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 (kèm theo Quyết định này).

Điều 2.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố phối hợp với các Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy hoạch, xác định các vùng sản xuất hoa, cây kiểng tập trung cụ thể theo từng giai đoạn; hướng dẫn các quận, huyện tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch chi tiết các vùng sản xuất cho từng loại hoa, cây kiểng trên địa bàn; xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch hàng năm, 5 năm đảm bảo nhiệm vụ, mục tiêu của chương trình; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, các huyện, quận có sản xuất hoa kiểng nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành hoặc điều chỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hoa, cây kiểng.

- Giao Ủy ban nhân dân các huyện, quận có sản xuất hoa, cây kiểng khẩn trương lập kế hoạch chi tiết các vùng sản xuất hoa, cây kiểng trên địa bàn quản lý theo quy hoạch của Thành phố; tổ chức phổ biến, công khai các quy hoạch được phê duyệt, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ sản xuất hoa, cây kiểng; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển hoa, cây kiểng hàng năm trên địa bàn.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các quận, huyện và Sở, ngành liên quan cân đối, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố phân bổ kế hoạch vốn đầu tư, dự toán chi ngân sách hàng năm đảm bảo tiến độ thực hiện Chương trình phát triển hoa, cây kiểng giai đoạn 2016 - 2020.

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ xét duyệt, triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp Thành phố phục vụ Chương trình phát triển hoa, cây kiểng.

- Giao Sở Công thương, Sở Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và đầu tư Thành phố, Hội Sinh vật cảnh Thành phố, Hội Nông dân Thành phố, Hội Hoa lan cây cảnh, Hội làm vườn và Trang trại Thành phố, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các quận, huyện tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về phát triển sản xuất, tiêu thụ hoa, cây kiểng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Quy hoạch và Kiến trúc, Giám đốc Sở Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và đầu tư Thành phố, Hội Sinh vật cảnh Thành phố, Hội Nông dân Thành phố, Hội Hoa lan cây cảnh, Hội làm vườn và Trang trại Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, quận có sản xuất hoa, cây kiểng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN HOA, CÂY KIỂNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 536/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Phần 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN HOA, CÂY KIỂNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Thực hiện Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Chương trình phát triển hoa, cây kiểng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2011 - 2015; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các Sở, ngành, quận, huyện triển khai thực hiện, kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN.

1. Tình hình sản xuất hoa, cây kiểng.

Diện tích sản xuất hoa, cây kiểng trên địa bàn Thành phố năm 2015 đạt 2.250 ha, tăng 17,8% so năm 2010 (1.910 ha); Trong đó, diện tích sản xuất tăng nhiều nhất là hoa lan, tăng 57,9%, diện tích sản xuất bon sai, kiểng tăng 32,5%, diện tích sản xuất hoa mai tăng 4,8%, diện tích trồng hoa nền tăng 9,0%. Tổng giá trị sản xuất hoa cây kiểng tăng dần từ 1.257,4 tỷ đồng (năm 2010) lên 1.833,8 tỷ đồng (năm 2015). Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha hoa, cây kiểng đạt 800 - 900 triệu đồng/năm.

a) Hoa lan:

- Diện tích hoa lan đến cuối năm 2015 ước đạt 300 ha, tăng 57,9% so với năm 2010. Hoa lan được trồng ở hầu hết các quận, huyện trên địa bàn Thành phố, tập trung chủ yếu ở huyện Củ Chi (188,1 ha), Bình Chánh (31,1 ha). Sản lượng hoa lan cung ứng hàng năm khoảng 6,7 triệu chậu và 68,9 triệu cành đạt giá trị khoảng 613,9 tỷ đồng.

- Chúng loại lan trồng khá phong phú với 61 giống hoa lan phổ biến gồm Mokara, Dendrobium, Cattleya, Vanda, Oncidium,... và một số giống lan rừng như Ngọc điểm, Hạc đỉnh, Bạch vĩ hồ, Hồng ngọc, Long tu,... trong đó hai giống lan được trồng nhiều nhất là Mokara và Dendrobium.

- Một số mô hình sản xuất hoa lan với qui mô lớn, có hiệu quả cao như: Nhà vườn Đặng Lê Thanh Huyền, qui mô 5 ha tại xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, lợi nhuận ước khoảng 4 tỷ đồng/năm; nhà vườn Trần Ngọc Tuyết, qui mô 3 ha tại xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, lợi nhuận ước khoảng 1,8 tỷ đồng/năm; nhà vườn Nguyễn Văn Chánh, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, qui mô 1,1 ha, lợi nhuận ước khoảng 0,8 tỷ đồng/năm.

b) Cây mai:

- Diện tích sản xuất mai đến năm 2015 là 550 ha, tăng 4,8% so với năm 2010, tập trung chủ yếu ở các Quận 12 (154,8 ha), Bình Chánh (111,3 ha), Thủ Đức (94,7 ha). Sản lượng mai cung ứng hàng năm 3,3 triệu chậu với giá trị sản lượng ước đạt 544,5 tỷ đồng.

- Chúng loại mai trồng khá phong phú như mai tứ quý, mai giảo, mai năm cánh, mai tỷ muội... Ngoài các loại mai được trồng với phong cách truyền thống của Thành phố, các nghệ nhân cũng trồng và chăm sóc các loại mai từ các tỉnh để phục vụ cho nhu cầu đa dạng của thị trường.

- Một số mô hình sản xuất hoa mai với qui mô lớn, có hiệu quả cao như: Nhà vườn Lê Hoàng Minh Phụng, qui mô 1,3 ha tại phường Phú Hữu, Quận 9, lợi nhuận ước khoảng 1,8 tỷ đồng/năm; nhà vườn Nguyễn Thành Sơn, qui mô 2.500 m² tại phường Linh Đông, quận Thủ Đức, lợi nhuận ước khoảng 0,75 tỷ đồng/năm; nhà vườn Đỗ Văn Thiên, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, qui mô 2.500 m², lợi nhuận ước khoảng 0,9 tỷ đồng/năm.

c) Cây kiểng, bonsai:

- Diện tích sản xuất cây kiểng, bonsai đến năm 2015 là 550 ha, tăng 32,5% so với năm 2010, tập trung chủ yếu ở huyện Củ Chi (251,9 ha), Hóc Môn (74,7 ha). Sản lượng cây kiểng, bonsai cung ứng hàng năm đạt 940 ngàn chậu với giá trị ước đạt 189,2 tỷ đồng.

- Chúng loại kiểng, bonsai được trồng rất phong phú, từ những giống có nguồn gốc bản địa như mai chiếu thủy, cần thăng, kim quất, nguyệt quế, sanh, si, gừa, sộp, da, bồ đề đến các giống nhập nội như kim phát tài, cau sâm banh, cau bưng, dừa

Hawai, cọ Nam Mỹ, khế Nhật, du, phong, hoàng lan, huyền diệp, dương xỉ, trầu bà đế vương, kim ngân... tạo ra sản phẩm đa dạng, phong phú cả về chủng loại và giá trị; từ những cây có giá trị thấp qua bàn tay nghệ nhân đã tạo ra những tác phẩm có giá trị cao về nghệ thuật và giá cả, nhiều sản phẩm có giá trị xuất khẩu.

- Một số mô hình sản xuất cây kiểng, bonsai với qui mô lớn, có hiệu quả cao như: Nhà vườn Phan Xuân Thông, qui mô 2.000 m² tại phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, lợi nhuận ước khoảng 1,5 tỷ đồng/năm; nhà vườn Lê Thị Thanh, qui mô 2.000 m² tại phường Phước Long B, Quận 9, lợi nhuận ước khoảng 0,8 tỷ đồng/năm; nhà vườn Trịnh Minh Tân, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, qui mô 7 ha, lợi nhuận ước khoảng 7 tỷ đồng/năm.

d) Hoa nền:

- Diện tích sản xuất hoa nền đến năm 2015 là 850 ha, tăng 9,0% so với năm 2010, tập trung chủ yếu ở huyện Bình Chánh (356,8 ha), Quận 12 (125,6 ha), huyện Củ Chi (120,5 ha), sản lượng hoa nền cung ứng hàng năm đạt 28,6 triệu chậu với giá trị sản lượng ước đạt 486,2 tỷ đồng.

- Chủng loại hoa nền được trồng trên địa bàn Thành phố khá đa dạng, trong đó có nhiều giống được trồng phổ biến như: vạn thọ, sồng đời, cúc, hướng dương, cỏ các loại, lá màu, huệ và các giống mới nhập nội như: vạn thọ Pháp, vạn thọ Thái, mồng gà, cúc đồng tiền, cúc Tiger, cúc Hà lan, cúc Pha lê, hoa Lily.

- Một số mô hình sản xuất hoa nền với qui mô lớn, có hiệu quả cao như: hộ Nguyễn Thị Mỹ Hồng, qui mô 2.000 m² tại huyện Bình Chánh, lợi nhuận ước khoảng 120 triệu đồng/năm; nhà vườn Trần Văn Nhân, qui mô 3.000 m² tại huyện Hóc Môn, lợi nhuận ước khoảng 210 triệu đồng/năm.

2. Tình hình tiêu thụ hoa, cây kiểng.

- Thành phố Hồ Chí Minh vừa là đầu mối cung cấp hoa kiểng cho cả nước và xuất khẩu, vừa là thị trường tiêu thụ hoa kiểng lớn nhất nước với nhiều chủng loại phong phú, đã hình thành các địa điểm tiêu thụ, cung ứng tập trung như chợ hoa Hồ Thị Kỷ, chợ Bà Chiểu, Đầm Sen,... Đồng thời, hình thành các khu vực tiêu thụ hoa kiểng địa phương, đáp ứng nhu cầu thị trường tại các quận: 12, Gò Vấp, Thủ Đức và các huyện: Bình Chánh, Củ Chi và hệ thống các cửa hàng kinh doanh hoa ôn đới.

- Sản lượng hoa, cây kiểng được sản xuất tại Thành phố khá lớn: trong năm 2015, sản lượng ước đạt 6,7 triệu chậu và 68,9 triệu cành lan; khoảng 3,3 triệu chậu mai; khoảng 940 chậu bon, sai kiểng; khoảng đạt 28,6 triệu chậu hoa nền. Sản lượng

hoa, cây kiểng được sản xuất tại Thành phố chủ yếu được tiêu thụ tại chỗ thông qua thương lái đến thu mua hoặc bán lẻ tại vườn, một số ít thông qua thương lái xuất bán ra các tỉnh phía Bắc và xuất khẩu.

- Thành phố Hồ Chí Minh còn là đầu mối xuất, nhập các chủng loại hoa kiểng, cụ thể:

+ Hoa lan cắt cành được nhập về Thành phố từ nước ngoài và tỉnh Lâm Đồng; lan chậu nhập từ Đài Loan và Trung Quốc. Lượng hoa lan nhập về vừa tiêu thụ tại Thành phố và xuất bán ra các tỉnh, chủ yếu các tỉnh phía Nam.

+ Mai ghép được nhập về Thành phố chủ yếu từ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như: Bến Tre, Đồng Tháp và miền Trung như: Bình Định, Phú Yên. Lượng mai ghép nhập về chủ yếu tiêu thụ tại Thành phố và xuất bán ra các tỉnh phía Bắc như: Hà Nội, Hải Phòng và một số ít xuất khẩu.

+ Cây kiểng, bon sai được nhập về Thành phố với các chủng loại đặc trưng phía Bắc để phân phối cho các tỉnh phía Nam, ngược lại các chủng loại hoa đặc trưng phía Nam được nhập về Thành phố để phân phối cho các tỉnh phía Bắc.

3. Kết quả nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

a) Giống:

- Kết quả thử nghiệm, chuyển giao giống hoa, cây kiểng mới phục vụ sản xuất: Từ khi thực hiện chương trình đến nay, đã thử nghiệm tính thích nghi 93 giống hoa, cây kiểng. Kết quả đưa vào sản xuất 34 giống hoa đẹp, phù hợp thị hiếu người tiêu dùng, có giá trị kinh tế cao, cụ thể: 14 giống hoa lan, 12 giống đồng tiền, 8 giống hoa lily.

- Kết quả sưu tập, bảo tồn giống hoa, kiểng: các đơn vị đã sưu tập 631 giống hoa, cây kiểng các loại, trong đó, có 360 giống hoa lan các loại (gồm 224 giống lan nhập nội như: Dendrobium Shevin White, Dendrobium Thongchai Gold, Mokara Dinah Shore, Mokara Bangkhuntien...; 136 giống lan rừng Việt Nam như: Long tu, Ngọc điểm, Giả hạc, Hoàng thảo Thủy tiên, Hoàng thảo Tuyết mai...) và 271 giống hoa, kiểng khác. Đây cũng là nguồn thực liệu phục vụ công tác lai tạo giống mới.

- Công tác lai tạo hoa lan: Trung tâm Công nghệ sinh học đã lai hữu tính 34 tổ hợp lai, tiến hành nhân giống invitro và chọn được 5 tổ hợp lai để theo dõi đánh giá

các đặc tính nông sinh học, 48 cây đầu dòng để tuyển chọn các dòng lan ưu tú, tiến đến công nhận giống mới. Dự kiến, cuối năm 2015 sẽ xin công nhận 06 dòng lan lai mới, tiến tới cung cấp cây giống phục vụ sản xuất tại Thành phố và các tỉnh lân cận.

- Công tác nhân nhanh giống nuôi cấy mô: Hiện nay trên địa bàn Thành phố có 13 tổ chức, cá nhân sản xuất cây giống hoa, cây kiểng nuôi cấy mô, với tổng sản lượng hằng năm khoảng 14,1 triệu cây giống (năng lực sản xuất tối đa hằng năm có thể đạt khoảng 24,6 triệu cây giống). Ngày 20 tháng 3 năm 2015 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức Hội nghị “Sản xuất và cung ứng cây giống hoa lan nuôi cấy mô tại thành phố Hồ Chí Minh” với mục đích kết nối các nhà vườn trồng lan và các cơ sở sản xuất giống hoa lan nuôi cấy mô. Từ sau hội nghị đến nay, các cơ sở nuôi cấy mô đã ký kết 32 hợp đồng liên kết sản xuất và cung ứng giống hoa lan nuôi cấy mô và đã cung cấp 860.000 cây giống cấy mô theo hợp đồng phục vụ sản xuất tại Thành phố và các tỉnh.

b) Kết quả ứng dụng tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất hoa, cây kiểng:

Từ khi thực hiện Chương trình đến nay, các đơn vị thuộc Sở đã thực hiện 296 mô hình chuyển giao kỹ thuật sản xuất, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực hoa, cây kiểng cho nông dân, cụ thể:

- Về kỹ thuật canh tác: đã xây dựng 266 mô hình trình diễn kỹ thuật trồng và chăm sóc hoa, cây kiểng, bón phân hợp lý, ứng dụng cơ giới hóa, xử lý ra hoa, có tổng diện tích 37,1 ha, với 969 hộ tham gia. Kết quả các mô hình đã giúp người nông dân sản xuất hoa, cây kiểng mạnh dạn tiếp nhận tiên bộ kỹ thuật, tăng thu nhập nhờ giá thành sản xuất giảm (khoảng 200 triệu/ha/năm); tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa như hệ thống tưới phun sương tiết kiệm nước trên hoa lan đạt 70% hộ trồng hoa lan có qui mô sản xuất từ 5.000 m² trở lên (đạt 100% mục tiêu chương trình).

- Về công tác bảo vệ thực vật: đã xây dựng 30 mô hình quản lý dịch hại tổng hợp trên cây hoa lan, cây kiểng với tổng diện tích 5,98 ha, 150 hộ tham gia. Kết quả mô hình quản lý dịch hại tổng hợp vừa giúp người sản xuất phòng trừ hiệu quả các loài sâu, bệnh hại hoa, cây kiểng vừa tăng thu nhập (khoảng 80 - 150 triệu đồng/ha/năm).

- Công tác thông tin, tuyên truyền: Tổ chức 224 lớp tập huấn cho 6.720 lượt nông dân và 73 cuộc hội thảo (khoảng 3.650 lượt người tham dự) với các nội dung kỹ thuật trồng hoa lan cắt cành, kỹ thuật chăm sóc mai sau Tết, phòng trừ sâu bệnh trên hoa kiểng; 72 chuyên tham quan (2.160 lượt nông dân), học tập các mô hình hiệu quả

trong và ngoài Thành phố. Ngoài ra, nông dân sản xuất hoa, cây kiểng trên địa bàn còn được cấp phát cẩm nang kỹ thuật trồng hoa lan, các tài liệu về sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng, ... và được tư vấn kỹ thuật trồng hoa, cây kiểng thông qua trang Web của các đơn vị thuộc Sở, trang thông tin thị trường, tập san của Trung tâm Khuyến nông và Chương trình phát thanh khuyến nông thành phố Hồ Chí Minh.

c) Một số kết quả nghiên cứu:

- Đã triển khai nhiều đề tài nghiên cứu như: chuyển gen tạo giống lan *Dendrobium* kháng virus khảm vàng, xử lý chiếu xạ gây đột biến trên giống lan rừng, hoàn thiện các quy trình nhân giống nuôi cấy mô các loại hoa lan, cây kiểng, xây dựng quy trình nhân giống và canh tác hoa lan cắt cành Mokara, *Dendrobium* trong nhà lưới, xây dựng quy trình canh tác hoa chuông và các loại hoa nền trong điều kiện nhà màng; ứng dụng các chế phẩm sinh học để xử lý điều khiển ra hoa, tạo chồi trong nhân nhanh giống hoa lan. Kết quả, đã tạo mô lan mang cấu trúc gen chuyển có khả năng kháng virus và thu được một số dòng giả định chuyển gen, đang tiếp tục chuyển gen và sàng lọc để tăng số lượng dòng chuyển gen.

- Nghiên cứu hình thái và di truyền trên nhóm lan rừng Thủy tiên và Thái bình, đã chọn lọc được 30 dòng lan đột biến: 18 dòng Thái bình và 12 dòng Thủy tiên và hiện đang đánh giá đa dạng di truyền bằng kỹ thuật SSR các dòng đột biến này.

- Nghiên cứu ứng dụng thành công Hệ thống ngập chìm tạm thời trong nhân giống cấy mô thực vật, cho phép rút ngắn thời gian nhân giống và tăng tỷ lệ sống của cây. Kết quả đã chuyển giao thành công cho 3 đơn vị: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Bình Định, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Bình Thuận, Trung tâm Giống nông nghiệp Đồng Tháp.

- Đề tài nghiên cứu ứng dụng quy trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trong phòng trừ muỗi đục nụ hoa lan (*Contarinia maculipennis* Felt.).

4. Công tác xúc tiến thương mại, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức nhiều cuộc triển lãm, hội chợ, hội thi, giao lưu kết nối tiêu thụ sản phẩm giữa các đơn vị, cá nhân sản xuất và các đơn vị, cá nhân kinh doanh hoa, cây kiểng trên địa bàn Thành phố. Trong các dịp Tết Nguyên đán, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Hội Sinh vật cảnh các quận, huyện đã vận động nghệ nhân đưa các sản phẩm sinh vật cảnh tham gia Hội Hoa xuân Tao đàn, các chợ hoa tết trên các địa bàn từng địa phương quận, huyện. Phối hợp với Hội Nông dân Thành

phổ tổ chức chợ hoa Tết Nguyên đán hằng năm tại công viên 23/9 với số lượng gian hàng trung bình qua các năm khoảng 150 gian hàng với tổng giá trị trung bình trung bình mỗi năm ước tính 96,5 tỷ đồng.

- Chương trình “Mỗi nhà nông một website”: Lũy kế từ khi thực hiện chương trình đến nay, đã hỗ trợ thiết kế và bàn giao 53 website; thiết kế logo, nhãn hiệu cho 53 đơn vị sản xuất, kinh doanh hoa, cây kiểng trên địa bàn thành phố và thiết kế 48 tờ bướm cho các đơn vị.

- Đài truyền hình Thành phố đã thực hiện 13 kỳ phát sóng chương trình truyền hình “Nông dân hội nhập” có nội dung về sản xuất, kinh doanh hoa, cây kiểng trên kênh HTV9.

- Hằng năm, tổ chức điều tra tình hình giá cả và thị trường tiêu thụ hoa, cây kiểng, xây dựng và phát hành các cẩm nang địa chỉ đồ kết nối sản xuất và tiêu thụ.

5. Phát triển kinh tế hợp tác và hỗ trợ vốn vay.

- Phát triển kinh tế tập thể: Đến nay, trên địa bàn thành phố có 06 Hợp tác xã hoa, cây kiểng và 34 Tổ hợp tác sản xuất, kinh doanh hoa, cây kiểng. Trong đó Hợp tác xã Đại Lộc thuộc huyện Bình Chánh hoạt động có hiệu quả nhất. Tổ chức 86 lớp tập huấn (2.580 lượt nông dân), 12 chuyến tham quan (360 lượt nông dân) với nội dung đào tạo nhân lực, nâng cao năng lực hoạt động Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoa, cây kiểng.

- Chính sách, hỗ trợ sản xuất: từ khi triển khai thực hiện Quyết định 36/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 và Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố đến nay có 938 lượt vay, với tổng vốn đầu tư là 975.124 triệu đồng và tổng vốn vay được hỗ trợ lãi suất là 585.114 triệu đồng.

6. Nhận xét, đánh giá.

a) Những kết quả đạt được:

Qua các năm thực hiện chương trình hoa, cây kiểng, ngành nông nghiệp phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cùng với những giải pháp đồng bộ đã đạt được những kết quả tích cực:

- Diện tích sản xuất hoa, cây kiểng trên địa bàn Thành phố năm 2015 đạt 2.250 ha, tăng 17,8% so năm 2010 (đạt 1.910 ha). Tổng giá trị sản xuất hoa cây kiểng tăng

dần từ 1.257,4 tỷ đồng (năm 2010) lên 1.833,8 tỷ đồng (năm 2015). Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha hoa, cây kiềng đạt 800 - 900 triệu đồng/năm.

- Bước đầu đã hình thành và phát triển hệ thống nhân nhanh và cung ứng hoa kiềng bằng phương pháp nuôi cấy mô, có nhiều giống hoa, cây kiềng mới, đa dạng chủng loại được đưa vào sản xuất cùng với công tác bảo tồn, phục tráng nhiều giống hoa, cây kiềng địa phương.

- Việc tập huấn kỹ thuật và xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa, hiện đại hóa sản xuất hoa kiềng đã giúp bà con nông dân nâng cao tay nghề, mạnh dạn đầu tư và yên tâm sản xuất.

- Những chính sách hỗ trợ sản xuất và công tác xúc tiến thương mại qua các cuộc triển lãm, hội chợ, hội thi và các hoạt động kết nối sản xuất tiêu thụ, hỗ trợ quảng bá thương hiệu đã giúp người sản xuất hoa, cây kiềng tìm kiếm và mở rộng thị trường dễ dàng hơn, tăng cường hiệu quả giao dịch, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Đến nay, hoa, cây kiềng đã chứng minh được là một trong những cây trồng có giá trị kinh tế cao, phù hợp với sự phát triển của nền nông nghiệp đô thị, góp phần tạo ra những sản phẩm có giá trị cao phục vụ đời sống tinh thần của người dân, góp phần nâng cao thu nhập cho người nông dân Thành phố.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Công tác nghiên cứu, tạo giống và nguồn thực liệu phục vụ cho công tác chọn tạo giống hoa kiềng mới còn hạn chế, phần lớn các giống hoa kiềng mới là giống nhập nội.

- Sản xuất hoa, cây kiềng đòi hỏi trình độ kỹ thuật sản xuất và có tính thẩm mỹ cao, đòi hỏi đầu tư nhiều công sức và thời gian nên khó phát triển đại trà về diện tích.

- Do điều kiện khí hậu thổ nhưỡng của Thành phố không phù hợp cho một số chủng loại hoa cao cấp. Do vậy, dù đã chủ động sản xuất có điều kiện nhưng chưa thể chủ động thời vụ sản xuất.

- Diện tích hoa lan tuy tăng 57,9%, từ 190 ha (năm 2010) đến 300 ha (năm 2015) nhưng chỉ đạt 75% so với mục tiêu chương trình (400 ha).

c) Nguyên nhân:

- Chưa làm chủ được các kỹ thuật nghiên cứu chọn tạo giống mới; nguồn thực liệu phục vụ công tác lai tạo giống mới còn hạn chế, nhiều giống hoa địa phương bị thoái hóa.

- Quá trình đô thị hóa làm mất đi những vùng sản xuất hoa truyền thống và diện tích sản xuất nông nghiệp ngày càng thu hẹp.

- Chi phí đầu tư sản xuất hoa lan rất cao, thời gian thu hồi vốn dài nên việc mở rộng diện tích sản xuất còn chậm. Đồng thời, thị hiếu tiêu dùng thay đổi nhanh hơn so với khả năng đáp ứng của người sản xuất.

Phần 2**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN HOA, CÂY KIỂNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020****I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ.****1. Sự cần thiết.**

Từ kết quả thực hiện chương trình phát triển hoa, cây kiểng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2011 - 2015, cho thấy hoa kiểng là một trong những cây trồng có giá trị kinh tế cao, phù hợp với sự phát triển của nền nông nghiệp đô thị và chủ trương chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, đáp ứng nhu cầu thưởng lãm của người dân khi chất lượng cuộc sống được nâng cao, góp phần nâng cao thu nhập cho người nông dân Thành phố.

2. Cơ sở pháp lý.

- Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

- Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

- Quyết định 446/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Chương trình ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ Nông nghiệp nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

- Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

- Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững" theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

II. MỘT SỐ DỰ BÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN SẢN XUẤT, TIÊU THỤ HOA, CÂY KIỂNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ.

Thành phố Hồ Chí Minh với đặc điểm của một đô thị lớn, là trung tâm phát triển kinh tế, văn hóa, thương mại, du lịch của cả nước, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao, trong đó chất lượng sống là vấn đề được quan tâm hàng đầu của lãnh đạo và nhân dân Thành phố. Do vậy, nhu cầu tiêu thụ hoa kiểng sẽ ngày càng phát triển và yêu cầu càng cao cả về số lượng lẫn chất lượng để đáp ứng nhu cầu thưởng lãm của người dân và phục vụ phát triển du lịch của Thành phố.

Chủ trương, chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố nói chung và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng, đẩy nhanh công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2010 - 2020 sẽ tiếp tục tạo những điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất hoa, cây kiểng.

Biến đổi khí hậu, tiến trình hội nhập kinh tế thế giới mạnh mẽ sẽ tạo ra nhiều thách thức cho sản xuất nông nghiệp của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung, trong đó có phát triển sản xuất hoa, cây kiểng.

III. MỤC TIÊU.

1. Mục tiêu chung.

Góp phần thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm hoa, cây kiểng của Thành phố, phát triển du lịch sinh thái, đáp ứng nhu cầu trong nước và hướng tới xuất khẩu; nâng cao hiệu quả sản xuất, thu nhập của người dân và chất lượng sống của người dân Thành phố; góp phần thực hiện thành công chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể.

- Đến năm 2020, diện tích sản xuất hoa, cây kiểng của Thành phố đạt 2.250 ha, trong đó diện tích hoa lan đạt 400 ha, hoa mai đạt 500 ha. Phấn đấu nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm hoa, cây kiểng; giá trị sản xuất hoa, kiểng bình quân đạt 1 tỷ đồng/ha/năm.

- 90% hộ trồng hoa lan có qui mô sản xuất từ 5.000 m² trở lên có áp dụng cơ

giới hóa (hệ thống tưới phun sương tiết kiệm nước).

- Lai tạo 3 -5 giống lan mới từ các nguồn gen đã có (lan rừng Việt Nam và lan nhập nội); hoàn thiện 8- 10 quy trình nhân giống in vitro các giống hoa, cây kiểng mới. Tiến hành tạo giống hoa nền mới đột biến từ phương pháp chiếu xạ gây đột biến 3 - 5 dòng, tiến tới công nhận giống mới.

- Chọn tạo và phát triển các giống hoa cây kiểng mới từ các nguồn khác nhau như nhập nội, sưu tập... Đưa vào sản xuất 5 - 10 giống hoa, cây kiểng mới phục vụ cho thị trường hoa, cây kiểng của Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

- Tiếp tục hỗ trợ thành lập và duy trì ít nhất 70% Hợp tác xã hoa, cây kiểng hoạt động có hiệu quả. Trong đó, mỗi quận, huyện chủ lực có ít nhất 1 hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH PHÁT TRIỂN HOA, CÂY KIỂNG.

1. Về quy hoạch vùng sản xuất.

- Gắn với quy hoạch bố trí cây trồng, vật nuôi chủ lực, đảm bảo duy trì diện tích sản xuất hoa, cây kiểng đến năm 2020 là 2.250 ha, xây dựng vùng sản xuất hoa, cây kiểng tập trung, ứng dụng công nghệ cao trong đó tập trung vào các huyện Củ Chi và Bình Chánh.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng hệ thống giao thông thuận lợi phục vụ sản xuất, vận chuyển, kinh doanh.

2. Về nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất hoa, cây kiểng.

a) Giống:

- Hoa lan: phát triển đa dạng chủng loại, trong đó tập trung hai chủng loại hoa lan phát triển hàng hóa là Dendrobium và Mokara.

- Hoa nền: tập trung một số chủng loại truyền thống có thị trường tiêu thụ ổn định; đồng thời tiếp tục nhập nội, phát triển giống mới để đa dạng hóa chủng loại.

- Hoa mai: tập trung phát triển mai ghép, kết hợp với các tỉnh có quỹ đất để sản xuất mai nguyên liệu.

- Kiểng, bonsai: tập trung phát triển các loại cây thành phẩm có giá trị kinh tế, giá trị thẩm mỹ cao và liên kết với các tỉnh có quỹ đất để sản xuất cây nguyên liệu.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, chọn tạo các giống hoa, cây kiểng mới, tập trung các giống hoa lan, hoa nền có chất lượng tốt, đặc trưng và phù hợp với điều kiện của Thành phố, thị hiếu người tiêu dùng. Đồng thời, tăng cường công tác sưu tập, bảo tồn, phục tráng các giống hoa, cây kiểng địa phương.

- Hỗ trợ, chuyển giao các giống hoa, cây kiểng mới có giá trị kinh tế cao, phù hợp điều kiện sản xuất và thị trường tiêu thụ của Thành phố. Xây dựng và hướng dẫn người sản xuất các quy trình trồng và chăm sóc phù hợp với từng giống hoa, cây kiểng.

- Định hướng và hoàn thiện hệ thống các cơ sở nhân nhanh giống nuôi cấy mô đảm bảo chất lượng và số lượng cung ứng cho sản xuất trong và ngoài thành phố.

b) Kỹ thuật canh tác:

- Phối hợp cùng viện, trường, câu lạc bộ, nghệ nhân, nông dân sản xuất giỏi, doanh nghiệp: nghiên cứu, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất hoa, cây kiểng như: cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất và thu hoạch; hệ thống canh tác không cần đất; các biện pháp xử lý ra hoa rải vụ, trái vụ, kỹ thuật sản xuất hoa, cây kiểng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thường xuyên điều tra, nắm bắt tình hình dịch hại trên hoa, kiểng để có các biện pháp ứng phó kịp thời. Tập huấn, tuyên truyền, xây dựng các mô hình ứng dụng quy trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) cho người sản xuất.

- Đầu tư xây dựng những mô hình ứng dụng công nghệ cao về hoa kiểng, nhất là các mô hình nhà màng, nhà lưới phù hợp với điều kiện đầu tư của nhà vườn.

- Đẩy mạnh hệ thống phòng nhân giống cây mô để giảm bớt lượng cây giống invitro nhập khẩu bằng việc hỗ trợ đầu tư phòng thí nghiệm nhân giống.

c) Công nghệ sau thu hoạch:

- Nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho các doanh nghiệp, nông dân sản xuất hoa, kiểng đầu tư và ứng dụng các công nghệ sau thu hoạch đối với hoa, kiểng như: quy trình thu hoạch để kéo dài tuổi thọ hoa, xử lý nhiệt độ, hóa chất, các loại bao gói chân không, bao gói điều chỉnh khí quyển, kỹ thuật cung cấp nước và dinh dưỡng cho hoa trong thời gian bảo quản.

- Khuyến khích nghiên cứu và sản xuất các loại bao bì đặc biệt phù hợp với yêu cầu bảo quản, kéo dài tuổi thọ hoa, cây kiểng sau thu hoạch.

- Bên cạnh việc nghiên cứu các kỹ thuật công nghệ sau thu hoạch đối với sản phẩm hoa tươi, nghiên cứu để phát triển các sản phẩm khác như nhuộm màu hoa, sấy hoa,..

3. Xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm.

- Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Sở Du lịch giới thiệu các sản phẩm hoa kiểng vào sân bay, nhà hàng, khách sạn, để quảng bá sản phẩm hoa kiểng thành phố.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát, xác định nhu cầu và thị hiếu hoa, cây kiểng; xây dựng hệ thống thông tin thị trường, phát triển giao dịch thương mại điện tử.

+ Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân, nghệ nhân trồng hoa kiểng trên địa bàn thành phố giao lưu, tham gia các hội chợ, hội hoa xuân, chợ phiên hoa, cây kiểng để quảng bá sản phẩm.

+ Phối hợp với Hội Sinh vật cảnh, Hội Hoa lan cây kiểng Thành phố, Hội Làm vườn và Trang trại tăng cường hỗ trợ kinh nghiệm sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ hoa kiểng.

4. Chính sách và phát triển kinh tế hợp tác.

- Đẩy mạnh công tác vận động nông dân tham gia vào hợp tác xã, tổ hợp tác để tăng cường năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh. Tăng cường củng cố, hỗ trợ nâng cao vai trò của các hợp tác xã, tổ hợp tác trong công tác điều hành, quản lý hộ, nghiên cứu thị trường để tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng mô hình trồng hoa kiểng gắn với thực hiện chương trình nông thôn mới và phát triển du lịch sinh thái.

- Nghiên cứu đề xuất các chính sách hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn Thành phố: Hỗ trợ vay vốn, lãi suất thấp trong việc đầu tư hệ thống phòng nhân giống cây mô, các doanh nghiệp làm dịch vụ hoa kiểng.

- Tăng cường đầu tư và khai thác các nguồn vốn đầu tư của các dự án nước ngoài, vốn của các doanh nghiệp hợp đồng đầu tư bao tiêu sản phẩm, các nông hộ; xây dựng hệ thống liên kết sản xuất, tiêu thụ giữa hợp tác xã, tổ hợp tác và các nhà phân phối, chợ hoa trong và ngoài Thành phố.

- Phối hợp với các tổ chức tín dụng, ngân hàng hỗ trợ nhiều hình thức vay vốn khác nhau: thế chấp bằng tài sản, vay theo dự án sản xuất với lãi suất ưu đãi.

- Các ban ngành nỗ lực tuyên truyền, hướng dẫn giúp người dân tiếp cận và sử dụng các nguồn vốn trên để phát triển sản xuất, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao, trang thiết bị hiện đại vào phát triển sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến tạo sản phẩm phụ cho du lịch.

5. Các nội dung trọng tâm giai đoạn 2016 - 2020.

a) Nghiên cứu lai tạo, nhập nội, thuần hóa và thử nghiệm các giống hoa, cây kiểng mới phục vụ sản xuất:

- Mục tiêu: Tạo những giống hoa mới và đa dạng hóa sản phẩm hoa, cây kiểng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm hoa, cây kiểng của Thành phố, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và thưởng lãm của người dân.

- Nội dung:

+ Giao Trung tâm Công nghệ sinh học nghiên cứu, lai tạo 3-5 giống lan mới từ các nguồn gen đã có (lan rừng Việt Nam và lan nhập nội); hoàn thiện 8 - 10 quy trình nhân giống in vitro các giống hoa, cây kiểng mới. Tiến hành tạo giống hoa nền mới đột biến từ phương pháp chiếu xạ gây đột biến: 3 - 5 dòng tiến tới công nhận giống mới.

+ Giao Trung tâm Quản lý và Kiểm định giống cây trồng, vật nuôi thử nghiệm và chuyển giao vào sản xuất 5 - 10 giống hoa, cây kiểng mới phục vụ cho thị trường hoa, cây kiểng của thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

+ Sơ tập, nhập nội, thử nghiệm, chọn lọc một số giống hoa, kiểng có triển vọng phù hợp với điều kiện sinh thái của Thành phố và đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.

+ Phục tráng giống hoa nền truyền thống phù hợp cho từng địa bàn.

- Thời gian thực hiện: từ năm 2016 - 2020.

- Tổng kinh phí: 6.904.898.000 đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Quản lý và Kiểm định giống cây trồng vật nuôi.

- Đơn vị phối hợp: các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các Viện - Trường, doanh nghiệp.

b) Chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật sản xuất hoa, cây kiểng:

- Mục tiêu: Nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh của sản phẩm hoa, cây kiểng trên địa bàn Thành phố; giúp nông dân tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, bảo quản sau thu hoạch, đa dạng hóa sản phẩm, chủ động mùa vụ sản xuất hoa, cây kiểng.

- Nội dung:

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn khuyến nông chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất cho bà con nông dân.

+ Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về các biện pháp xử lý ra hoa trái vụ và hạn chế ra hoa để chủ động mùa vụ thu hoạch; ứng dụng các chế phẩm kéo dài tuổi thọ của hoa, dinh dưỡng cho hoa sau thu hoạch; các biện pháp tồn trữ, bảo quản hoa.

+ Phục hồi vùng sản xuất hoa nền truyền thống.

- Thời gian thực hiện: từ năm 2016 - 2020.

- Tổng kinh phí: 80.617.182.600 đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Khuyến Nông.

- Đơn vị phối hợp: các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường có sản xuất hoa, cây kiểng, các viện trường, các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoa, cây kiểng; Hội nông dân, Hội Sinh vật cảnh, Hội hoa lan cây cảnh, Hội làm vườn và trang trại.

c) Nghiên cứu các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên hoa, kiểng tại địa bàn Thành phố:

- Mục tiêu: Phòng trừ có hiệu quả các loài dịch hại trên hoa, kiểng, đảm bảo sản lượng, chất lượng, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm hoa, cây kiểng sản xuất trên địa bàn so với sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm các tỉnh, góp phần nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất hoa, cây kiểng.

- Nội dung:

+ Điều tra, nhận dạng, khảo sát, thu thập thông tin, dự tính, dự báo về tình hình sâu bệnh hại hoa, cây kiểng trên địa bàn.

+ Nâng cao năng lực phòng trừ sâu bệnh hại trên hoa, cây kiểng cho cán bộ chuyên ngành, nông dân sản xuất hoa, cây kiểng trên địa bàn Thành phố.

+ Nghiên cứu và xây dựng các mô hình thực nghiệm về phòng trừ sâu bệnh, quản lý dịch hại tổng hợp trên hoa, cây kiểng.

- Thời gian thực hiện: từ năm 2016 - 2020.

- Tổng kinh phí: 16.434.600.000 đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các quận huyện, các Viện - Trường, các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoa, cây kiểng và người nông dân sản xuất hoa, kiểng.

d) Xúc tiến thương mại, tiêu thụ hoa, cây kiểng trên địa bàn Thành phố:

- Mục tiêu: Quảng bá và mở rộng kênh phân phối, tiêu thụ hoa, kiểng, kết hợp với du lịch sinh thái.

- Nội dung:

+ Tổ chức khảo sát, nghiên cứu thị trường hoa kiểng, xác định nhu cầu thị trường về sản phẩm hoa, kiểng; xây dựng hệ thống liên kết sản xuất, tiêu thụ giữa hợp tác xã, tổ hợp tác, các chợ hoa trong và ngoài Thành phố.

+ Đẩy mạnh và phát triển thương mại điện tử, công tác cung cấp thông tin thương mại và thị trường thông qua công tác xây dựng website, logo cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoa kiểng.

+ Đề ra các giải pháp, chính sách hỗ trợ để nâng cao năng lực sản xuất, tạo nguồn hàng ổn định cung cấp cho người tiêu dùng.

+ Xây dựng kênh tiêu thụ ổn định, đa dạng thông qua các hệ thống siêu thị, nhà hàng, khách sạn, nhà sách, sân bay... Hỗ trợ xây dựng các mô hình, cửa hàng kết nối tiêu thụ sản phẩm.

+ Thực hiện các công tác quảng bá các sản phẩm giống hoa, cây kiểng mới

thông qua chợ phiên như các kỳ hội chợ, các hoạt động truyền thông....

- Thời gian thực hiện: từ năm 2016 - 2020.

- Tổng kinh phí: 3.457.835.000 đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp.

- Đơn vị phối hợp: Sở Công thương, Liên minh Hợp tác xã, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Hội, Đoàn thể, các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các doanh nghiệp, các quận, huyện sản xuất hoa, cây kiểng.

đ) Phát triển chuỗi giá trị hoa, cây kiểng; những sản phẩm từ hoa, cây kiểng:

- Mục tiêu: Nhằm nâng cao giá trị sản phẩm hoa, cây kiểng trên địa bàn Thành phố và đa dạng sản phẩm hoa, cây kiểng đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Nội dung:

+ Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng hoa, cây kiểng từ khâu giống, nuôi trồng, thu hoạch và các sản phẩm sau thu hoạch.

+ Đào tạo, chuyển giao kỹ thuật sản xuất các sản phẩm từ hoa, cây kiểng như hoa khô, hoa nhuộm màu,...

- Thời gian thực hiện: từ năm 2016 - 2020.

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí của Trung tâm Xúc tiến và Thương mại đầu tư Thành phố.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Xúc tiến và Thương mại đầu tư Thành phố.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường có sản xuất hoa, cây kiểng; Viện, Trường; Hội nông dân, Hội Sinh vật cảnh, Hội hoa lan cây cảnh, Hội làm vườn và trang trại, các doanh nghiệp.

e) Đào tạo, nâng cao năng lực hoạt động hợp tác xã, tổ hợp tác:

- Mục tiêu: Nâng cao trình độ kỹ năng quản lý sản xuất, kinh doanh sản phẩm hoa, kiểng, cho các Hợp tác xã, Tổ hợp tác.

- Nội dung:

+ Tổ chức các lớp đào tạo nghề sản xuất hoa kiểng, tập huấn cho lao động nông thôn; nâng cao trình độ, năng lực quản lý của Ban Giám đốc Hợp tác xã, Ban Điều hành Tổ hợp tác, thành viên nòng cốt của các Hợp tác xã, Tổ hợp tác sản xuất, kinh doanh hoa, cây kiểng.

+ Tổ chức tham quan, học tập các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ hoa, cây kiểng ở các tỉnh, thành cho Ban chủ nhiệm Hợp tác xã, xã viên nòng cốt, Ban Điều hành Tổ hợp tác, tổ viên nòng cốt của các Hợp tác xã, Tổ hợp tác sản xuất, kinh doanh hoa, cây kiểng; các hộ sản xuất, kinh doanh có nguyện vọng tham gia Hợp tác xã, Tổ hợp tác; cán bộ cơ sở...

+ Hỗ trợ phần mềm tổ chức, quản lý cho Hợp tác xã sản xuất kinh doanh hoa, cây kiểng.

- Thời gian thực hiện: từ năm 2016 - 2020.

- Tổng kinh phí: 3.405.375.000 đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi Cục Phát triển nông thôn.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường có sản xuất hoa, cây kiểng; Viện, Trường; Hội nông dân, Hội Sinh vật cảnh, Hội hoa lan cây cảnh, Hội làm vườn và trang trại.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN.

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình phát triển hoa, cây kiểng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 là 110.819.890.600 đồng (*đính kèm phụ lục*). Trong đó, nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước hỗ trợ là 68.848.070.600 đồng (chiếm 62,1% tổng kinh phí), vốn từ doanh nghiệp, nông hộ là 41.971.820.000 đồng (chiếm 37,9% tổng kinh phí).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phối hợp với các Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường quy hoạch, xác định các vùng sản xuất hoa, cây kiểng tập trung cụ thể theo từng giai đoạn (Theo quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt).

- Phối hợp với các quận, huyện xây dựng quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất cho từng loại hoa, cây kiểng trên địa bàn.

- Xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch hàng năm, 5 năm đảm bảo nhiệm vụ, mục tiêu của chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, các quận, huyện có sản xuất hoa kiểng nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành hoặc điều chỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hoa, cây kiểng.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết vùng sản xuất cho từng loại hoa, cây kiểng trên địa bàn quản lý theo quy hoạch của Thành phố

- Tổ chức phổ biến, công khai các quy hoạch; đồng thời chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phân bổ nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng để thực hiện chương trình.

4. Sở Tài chính: phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, hỗ trợ, thẩm định; bố trí dự toán và cấp phát kinh phí thực hiện chương trình.

5. Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường: phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy hoạch, xác định các vùng sản xuất hoa, cây kiểng tập trung cụ thể theo từng giai đoạn.

6. Sở Khoa học và Công nghệ: Xét duyệt, triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp Thành phố phục vụ Chương trình phát triển hoa, cây kiểng.

7. Sở Công thương: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng thương hiệu, kênh tiêu thụ sản phẩm hoa, cây kiểng cho bà con nông dân trên địa bàn Thành phố.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về phát triển sản xuất hoa, cây kiểng.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Sở Du lịch: phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho hoa, cây kiểng Thành phố, đưa các sản phẩm hoa kiểng vào sân bay, nhà hàng, khách sạn.

10. Trung tâm Xúc tiến và Thương mại đầu tư: Phối hợp với Sở Nông nghiệp xây dựng thương hiệu, kênh tiêu thụ sản phẩm hoa, cây kiểng cho bà con nông dân trên địa bàn Thành phố.

11. Hội Nông dân: Chỉ đạo đoàn thể cơ sở tích cực phối hợp với ngành Nông nghiệp - phát triển nông thôn và địa phương tuyên truyền, phổ biến, vận động nông dân, hộ sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực hoa, cây kiểng quán triệt và tham gia thực hiện chương trình phát triển hoa kiểng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020.

12. Hội Sinh vật cảnh, Hội Hoa lan cây cảnh, Hội làm vườn và Trang trại Thành phố: Phối hợp tổ chức tập huấn kỹ thuật nuôi trồng hoa, cây kiểng cho các nông hộ; hỗ trợ, hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nhà vườn, nghệ nhân tham gia các hội thi, các buổi tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm sản xuất - thị trường tiêu thụ; tích cực đẩy mạnh phong trào trồng hoa cảnh phục vụ nhu cầu cải tạo môi trường, cảnh quan Thành phố, kết hợp du lịch và các dịch vụ liên quan./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN HOA,
CÂY KIỂNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Bảng 1: Diện tích hoa, cây kiểng từng năm theo chủng loại.

Stt	Chủng loại	Năm 2010 (ha)	Năm 2011 (ha)	Năm 2012 (ha)	Năm 2013 (ha)	Năm 2014 (ha)	Năm 2015 (ha)	Tỷ lệ tăng năm 2015 so với năm 2010 (%)
1	Mai	525	470	500	500	530	550	4,8
2	Hoa lan	190	200	210	220	250	300	57,9
3	Bon sai, kiểng	415	493	500	500	500	550	32,5
4	Hoa nền	780	800	800	810	850	850	9,0
Tổng cộng		1.910	1.963	2.010	2.030	2.130	2.250	17,8

Bảng 2: Diện tích hoa, cây kiểng từng năm theo quận, huyện.

Stt	Quận, huyện	Năm 2010 (ha)	Năm 2011 (ha)	Năm 2012 (ha)	Năm 2013 (ha)	Năm 2014 (ha)	Năm 2015 (ha)
1	Củ Chi	515	552	578	628	543	597
2	Bình Chánh	320	597	608	539	521	546
3	Quận 12	320	238	235	227	320	343
4	Thủ Đức	250	117	119	172	124	133
5	Hóc Môn	164	190	193	151	192	195
6	Gò Vấp	14	14	15	53	82	78
7	Quận 9	83	55	56	39	98	105
8	Quận 2	4	4	5	9	3	2
9	Nhà Bè	15	10	10	9	14	16
10	Các quận huyện khác	225	186	191	203	233	235
Tổng		1.910	1.963	2.010	2.030	2.130	2.250

Bảng 3: Hiện trạng sản xuất hoa cây kiểng theo chủng loại và quận huyện

Stt	Quận, huyện	Mai	Lan	Nền	Bon sai, kiểng	Tổng
1	Củ Chi	36,5	188,1	120,5	251,9	597
2	Bình Chánh	111,3	31,1	356,8	46,8	546
3	Quận 12	154,8	5,7	125,6	56,9	343
4	Thủ Đức	94,7	7,3	13,2	17,8	133
5	Hóc Môn	19,7	22,7	77,9	74,7	195
6	Gò Vấp	3,2	3,0	48,1	23,7	78
7	Quận 9	71,9	10,5	7,3	15,3	105
8	Quận 2	0,7	0,2	0,0	1,1	2
9	Nhà Bè	5,2	4,0	0,0	6,8	16
10	Các quận huyện khác	52,0	27,4	100,6	55,0	235
Tổng		550	300	850	550	

Bảng 4: Giá trị sản xuất hoa, cây kiểng từng năm theo chủng loại.

Stt	Chủng loại	Năm 2010 (tỷ đồng)	Năm 2011 (tỷ đồng)	Năm 2012 (tỷ đồng)	Năm 2013 (tỷ đồng)	Năm 2014 (tỷ đồng)	Năm 2015 (tỷ đồng)
1	Mai	425,3	414,1	435,0	444,0	450,0	544,5
2	Lan	389,9	433,4	430,9	451,4	512,3	613,9
3	Nền	299,5	307,2	307,2	388,8	408,0	486,2
4	Bonsai, kiểng	142,8	161,7	172,0	176,0	182,3	189,2
	Tổng	1.257,4	1.316,4	1.345,1	1.460,2	1.552,6	1.833,8

Bảng 5: Các giống hoa, cây kiểng mới được đưa vào sản xuất

Stt	Tên Giống	Đơn vị chuyển giao
I. Hoa đồng tiền		
1	Mariyo	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
2	Bayadere	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
3	Grandola	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
4	Esmara	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
5	Cruisen	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
6	Amareto	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
7	Ismara	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
8	Serena	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
9	Robin	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
10	Banesa	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
11	Estoria	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
12	Westcoat	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
II. Hoa Lily		
1	Concad'OR	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
2	Tiny double you	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
3	Tiny sin	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
4	Tiny bee	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây

		trồng vật nuôi
5	Concador NZ	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
6	Bernini	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
7	Gold City	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
8	Yellowe-en	Trung tâm Quản lý kiểm định giống cây trồng vật nuôi
III. Hoa lan		
1	Dendrobium Pink Tripe	Trung tâm Khuyến nông
2	Dendrobium Earsakul	Trung tâm Khuyến nông
3	Dendrobium Sonia	Trung tâm Khuyến nông
4	Dendrobium Chanchrao	Trung tâm Khuyến nông
5	Mokara Dear Heart	Trung tâm Công nghệ sinh học; Trung tâm Khuyến nông
6	Mokara Dinah shore	Trung tâm Công nghệ sinh học; Trung tâm Khuyến nông
7	Mokara Chao praya Sunset	Trung tâm Công nghệ sinh học; Trung tâm Khuyến nông
8	Mokara Fullmoon	Trung tâm Công nghệ sinh học; Trung tâm Khuyến nông
9	Mokara Luen Berger Gold	Trung tâm Công nghệ sinh học; Trung tâm Khuyến nông
10	Mokara Luen New	Trung tâm Công nghệ sinh học; Trung tâm Khuyến nông
11	Mokara New Kittii	Trung tâm Công nghệ sinh học; Trung tâm Khuyến nông
12	Mokara Kenny Koo	Trung tâm Công nghệ sinh học; Trung tâm Khuyến nông
13	Mokara Sayarn bangkhuntien	Trung tâm Công nghệ sinh học; Trung tâm Khuyến nông
14	Mokara Mutation	Trung tâm Công nghệ sinh học

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HOA, CÂY KIỂNG ĐẾN NĂM 2020

Đơn vị tính: ha

	Quận, huyện	Năm 2015	Năm 2020
1	Củ Chi	597	940
2	Bình Chánh	546	650
3	Hóc Môn	343	340
4	Thủ Đức	133	160
5	Quận 9	195	150
6	Quận 12	78	-
7	Gò Vấp	105	-
8	Nhà Bè	16	-
9	Quận 2	2	-

(Ghi chú: Kế hoạch phát triển hoa, cây kiểng đến năm 2020 sẽ điều chỉnh theo quy hoạch bố trí cây trồng vật nuôi chủ lực đến năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 3

BẢNG PHÂN KỲ KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN HOA, CÂY KIỀNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Stt	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Tổng kinh phí dự kiến			Phân kỳ dự toán kinh phí giai đoạn 2016 - 2020									
							Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
				Ngân sách	DN, Nông hộ	Tổng	Ngân sách	DN, Nông hộ	Ngân sách	DN, Nông hộ	Ngân sách	DN, Nông hộ	Ngân sách	DN, Nông hộ	Ngân sách	DN, Nông hộ
1	Nghiên cứu lai tạo, nhập nội, thuần hóa và thử nghiệm các giống hoa, cây kiềng mới phục vụ sản xuất	Trung tâm công nghệ sinh học (phần 1) và Trung tâm Kiểm định giống cây trồng vật nuôi (phần 2)	Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các viện trường, doanh nghiệp.													
	Phần 1:			4.850.000.000	-	4.850.000.000	300.000.000	-	800.000.000	-	1.050.000.000	-	1.200.000.000	-	1.500.000.000	-
	Phần 2:			2.054.898.000	-	2.054.898.000	326.347.000	-	326.347.000	-	534.068.000	-	434.068.000	-	434.068.000	-

2	Ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật sản xuất hoa, cây kiểng	Trung tâm Khuyến nông	Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường có sản xuất hoa, cây kiểng, các viện trường, các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoa, cây kiểng; Hội nông dân, Hội Sinh vật cảnh, Hội hoa lan cây cảnh, Hội làm vườn và trang trại.	52.240.762.600	28.376.420.000	80.617.182.600	10.441.912.520	5.675.284.000	10.449.712.520	5.675.284.000	10.449.712.520	5.675.284.000	10.449.712.520	5.675.284.000	10.449.712.520	5.675.284.000
---	--	-----------------------	--	----------------	----------------	----------------	----------------	---------------	----------------	---------------	----------------	---------------	----------------	---------------	----------------	---------------

3	Nghiên cứu các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên hoa, kiếng tại địa bàn thành phố	Chi cục Bảo vệ thực vật	Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các quận huyện, các viện trường, các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoa, cây kiếng và người nông dân sản xuất hoa, kiếng	2.839.200.000	13.595.400.000	16.434.600.000	500.000.000	2.385.800.000	584.800.000	2.802.400.000	584.800.000	2.802.400.000	584.800.000	2.802.400.000	584.800.000	2.802.400.000
4	Xúc tiến thương mại, tiêu thụ hoa, kiếng trên địa bàn thành phố	Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Nông nghiệp	Sở Công thương, Liên minh Hợp tác xã, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Hội, Đoàn thể, các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	3.457.835.000	-	3.457.835.000	52.000.000	-	508.850.000	-	1.460.970.000	-	774.515.000	-	661.500.000	-

5	Đào tạo, nâng cao năng lực hoạt động hợp tác xã, tổ hợp tác	Chi cục phát triển nông thôn (phần 1) và Trường Trung cấp kỹ thuật Nông nghiệp (phần 2)	Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường có sản xuất hoa, cây kiểng; Viện, Trường; Hội nông dân, Hội Sinh vật cảnh, Hội hoa lan cây cảnh, Hội làm vườn và trang trại														
				Phần 1:	910.500.000	-	910.500.000	-	-	215.200.000	-	250.900.000	-	250.900.000	-	193.500.000	-
				Phần 2:	2.494.875.000		2.494.875.000	498.975.000	-	498.975.000	-	498.975.000	-	498.975.000	-	498.975.000	-
Tổng				68.848.070.600	41.971.820.000	110.819.890.600	12.119.234.520	8.061.084.000	13.383.884.520	8.477.684.000	14.829.425.520	8.477.684.000	14.192.970.520	8.477.684.000	14.322.555.520	8.477.684.000	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2016

CHỈ THỊ

Về tăng cường vận động hiến máu tình nguyện năm 2016

Phong trào hiến máu tình nguyện tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được duy trì thường xuyên và phát triển trong những năm qua, đây là một trong những hoạt động xã hội mang ý nghĩa nhân đạo, từ thiện được cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, sinh viên các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và nhân dân Thành phố hưởng ứng nhiệt tình. Năm 2015, phong trào hiến máu tình nguyện của Thành phố đạt và vượt chỉ tiêu so với năm 2014 đã cung cấp cho ngành y tế đáp ứng một phần nhu cầu về máu cấp cứu và điều trị cho bệnh nhân tại các bệnh viện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhằm đảm bảo đủ máu an toàn cho cấp cứu và điều trị bệnh nhân tại Thành phố trong năm 2016; Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu:

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các cơ quan đơn vị, công ty, xí nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang trên địa bàn Thành phố tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền vận động hiến máu tình nguyện phấn đấu đạt trên 200.000 lượt người hiến máu (230.000 đơn vị) trong đó có 65 % là túi máu loại 350ml-450ml, chất lượng máu sạch, tốt đạt trên 94%.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của Thành phố, lực lượng vũ trang, các công ty, xí nghiệp, trường học trên địa bàn Thành phố có kế hoạch cụ thể vận động ít nhất 30% cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, sinh viên hiến máu tình nguyện trong năm 2016; đồng thời phối hợp với Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ Thành phố) hoặc Bệnh viện Truyền máu Huyết học (Sở Y tế) tổ chức tốt các địa điểm tiếp nhận máu tại cơ quan, đơn vị; bộ phận y tế các cơ quan có trách nhiệm kiểm tra sức khỏe và tuyển chọn người hiến máu đủ điều kiện tham gia hiến máu, phấn đấu đạt trên 97.900 lượt người hiến máu trong năm. Trong đó Bệnh viện Truyền máu Huyết học (Sở Y tế) tiếp nhận 32.000 lượt người hiến máu và Trung tâm

Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ Thành phố) vận động và tiếp nhận 65.900 lượt người hiến máu.

3. Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ Thành phố) và Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện các quận, huyện, phường, xã, thị trấn có kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đạt trên 102.100 lượt người hiến máu đạt chất lượng máu tốt; tích cực tuyên truyền vận động hiến máu tình nguyện phù hợp với nguyên tắc nhân đạo quốc tế Hội Chữ thập đỏ Quốc tế và thực hiện đúng chế độ bồi dưỡng sức khỏe đối với người hiến máu tình nguyện theo Thông tư số 33/2014/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Y tế. Tăng cường vận động phát triển lực lượng hiến máu dự bị để sẵn sàng cung cấp máu khi có yêu cầu.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan Báo, Đài Thành phố phối hợp với Hội Chữ thập đỏ Thành phố có kế hoạch thông tin tuyên truyền sâu rộng, vận động nhân dân Thành phố tích cực tham gia hiến máu tình nguyện trong năm 2016; đặc biệt là “Chiến dịch vận động hiến máu tình nguyện dịp Tết Nguyên đán và Lễ hội Xuân Hồng” năm 2016 theo hướng dẫn của Trung ương Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam.

5. Đài Truyền hình Thành phố phối hợp Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ Thành phố), Bệnh viện Truyền máu Huyết học (Sở Y tế) để xây dựng kế hoạch tuyên truyền về công tác hiến máu tình nguyện của Thành phố năm 2016, hàng năm nhân ngày 07 tháng 4 “Ngày toàn dân hiến máu tình nguyện”, ngày 14 tháng 6 “Ngày thế giới tôn vinh người hiến máu”, mở chuyên mục “Hiến máu cứu người” để tuyên truyền sâu rộng cho nhân dân hiểu rõ ý nghĩa nhân đạo trong các đợt cao điểm của chương trình hiến máu tình nguyện.

6. Sở Y tế chỉ đạo Bệnh viện Truyền máu Huyết học phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ Thành phố) thực hiện các quy trình chuyển giao máu đạt số lượng, chất lượng theo yêu cầu chuyên môn, kỹ thuật, trang thiết bị xét nghiệm, phân tích máu, để bảo đảm an toàn trong truyền máu cho bệnh nhân, đồng thời chỉ đạo các bệnh viện quận, huyện, y tế của các cơ quan Sở, ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang, công ty, xí nghiệp, trường học tích cực tham gia tuyên truyền vận động hiến máu.

7. Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ Thành phố) có kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ tiếp nhận máu; phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố (Sở Nội vụ) kịp thời đề xuất tôn vinh, khen thưởng những tập thể và cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện của Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố và các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang, các trường học trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có kế hoạch cụ thể vận động, tuyên truyền tổ chức cho cán bộ, nhân dân tham gia hiến máu tình nguyện đạt chỉ tiêu trong năm 2016.

Chỉ thị này thay thế Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu

PHÂN BỐ CHỈ TIÊU
HIẾN MÁU TÌNH NGUYỆN NĂM 2016
(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 05/CT-UBND
ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Số TT	Quận - huyện	Lượt người	Chỉ tiêu 350 - 450
1	Quận 1	3.900	2.535
2	Quận 2	2.600	1.690
3	Quận 3	3.900	2.535
4	Quận 4	3.100	2.015
5	Quận 5	4.200	2.730
6	Quận 6	4.800	3.120
7	Quận 7	4.200	2.730
8	Quận 8	5.000	3.250
9	Quận 9	4.000	2.600
10	Quận 10	4.700	3.055
11	Quận 11	4.000	2.600
12	Quận 12	3.800	2.470
13	Quận Phú Nhuận	3.800	2.470
14	Quận Bình Thạnh	6.500	4.225
15	Quận Gò Vấp	6.100	3.965
16	Quận Thủ Đức	6.100	3.965
17	Quận Tân Bình	4.800	3.120
18	Quận Tân Phú	4.500	2.925
19	Quận Bình Tân	5.300	3.445
20	Huyện Bình Chánh	4.500	2.925
21	Huyện Củ Chi	5.000	3.250
22	Huyện Hóc Môn	3.600	2.340
23	Huyện Nhà Bè	1.800	1.170
24	Huyện Cần Giờ	1.900	1.235
25	Trung tâm Hiến máu nhân đạo TP	65.900	42.835

26	Bệnh viện Truyền máu Huyết học tiếp nhận từ: Hội sinh viên (20.000); Sở Y tế (3.000); Sở Giáo dục và Đào tạo (2.000); Sở Giao thông vận tải (1.000); Sở Công Thương (2.000) và các đơn vị khác (2.000)	32.000	20.800
Tổng cộng		200.000	130.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng